

TÀI LIỆU SƠ BỘ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT TẠI VIỆT NAM

Mục lục

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TÀI LIỆU	3
1. Cơ sở xây dựng	3
2. Bố cục của tài liệu	3
3. Cách sử dụng tài liệu	4
PHẦN THỨ NHẤT	7
GIỚI THIỆU VỀ CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT VÀ VIỆC GIA NHẬP CÔNG ƯỚC CỦA VIỆT NAM ..	7
1. Lịch sử:.....	7
2. Số lượng thành viên:	7
3. Cấu trúc:.....	7
4. Các thuật ngữ chính:	7
5. Mục tiêu	11
6. Phạm vi áp dụng.....	11
7. Nội dung chính.....	12
8. Sự cần thiết và quá trình Việt Nam gia nhập Công ước Tổng đạt.....	19
9. Lợi ích cơ bản của việc gia nhập Công ước Tổng đạt.....	22
10. Một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi gia nhập Công ước Tổng đạt.....	23
PHẦN THỨ HAI	26
HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH THỰC HIỆN CÁC KÊNH TỔNG ĐẠT.....	26
1 Kênh chính	26
1.1. UTTP tổng đạt giấy tờ của Việt Nam ra nước ngoài.....	26
1.2. UTTP tổng đạt giấy tờ của nước ngoài vào Việt Nam.....	30
2. Các kênh thay thế	36
2.1 Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp (Điều 8 Công ước).....	36
2.1.1. Tổng đạt giấy tờ của Việt Nam ra nước ngoài	37
2.1.2. Tổng đạt giấy tờ của nước ngoài vào Việt Nam.....	40

2.2 Kênh lãnh sự gián tiếp (đoạn 1 Điều 9 Công ước)	40
2.2.1. Ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ của Việt Nam ra nước ngoài	40
2.2.2. Ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ của nước ngoài tại Việt Nam.....	44
2.3 Kênh ngoại giao gián tiếp	47
2.3.1. UTTP tổng đạt giấy tờ của Việt Nam ra nước ngoài	47
2.3.2. UTTP tổng đạt giấy tờ của nước ngoài tại Việt Nam.....	50
2.4 Kênh bưu điện	53
2.4.1. Tổng đạt của Việt Nam.....	53
2.4.2. Tổng đạt của nước ngoài.....	55
3 Các kênh tổng đạt bổ sung	55
3.1 Tổng đạt theo điều ước quốc tế khác giữa các quốc gia là thành viên của Công ước Tổng đạt (đối với Việt Nam hiện nay là các Hiệp định tương trợ tư pháp song phương với các nước: Ucraina, Tiệp Khắc (Séc và Slovakia), Hungary, Ba Lan, Bungary, Pháp, Trung Quốc, Belarus, Nga, Kazakhstan):	56
3.2 Tổng đạt theo phương thức khác quy định trong nội luật quốc gia:	56

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TÀI LIỆU

1. Cơ sở xây dựng

Tài liệu này do Vụ Pháp luật quốc tế soạn thảo trên cơ sở:

- Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước Tổng đạt);
- Sổ tay thực thi Công ước Tổng đạt (Sổ tay Công ước);
- Tuyên bố của Việt Nam khi gia nhập Công ước Tổng đạt (Hyperlink)
- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật Tương trợ tư pháp năm 2007;
- Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tương trợ tư pháp ;
- Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao về quy định về quy trình, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự (Thay thế thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC) (Thông tư 12)
- Thông tư liên tịch giữa Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện tổng đạt giấy tờ cho công dân Việt Nam ở nước ngoài (Thông tư A)¹

2. Bố cục của tài liệu

Phần 1: Giới thiệu Công ước Tổng đạt

Phần này cung cấp các thông tin cơ bản về Công ước Tổng đạt: tên gọi, số lượng thành viên, cấu trúc, nội dung, đồng thời cung cấp những thông tin về quá trình gia nhập Công ước, những lợi ích, khó khăn và yêu cầu đặt ra với các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Phần 2: Hướng dẫn quy trình thủ tục thực hiện các kênh tổng đạt

Hướng dẫn cách thực hiện cụ thể: lập hồ sơ, quy trình chuyển hồ sơ, thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, kèm theo những lưu ý trong quá trình thực hiện.

¹ Hiện nay TAND tối cao và Bộ Ngoại giao đang xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch hướng dẫn về việc tổng đạt giấy tờ cho công dân Việt Nam ở nước ngoài. Theo đó quy trình tổng đạt giấy tờ cho công dân Việt Nam ở nước ngoài sẽ được gửi trực tiếp từ cơ quan có thẩm quyền yêu cầu của Việt Nam cho cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài mà không thông qua quy trình ủy thác tư pháp như hiện nay. Để đảm bảo kịp thời hướng dẫn việc thực hiện Công ước Tổng đạt và Thông tư liên tịch 12, trước mắt Bộ Tư pháp tạm hướng dẫn quy trình thực hiện ủy thác tư pháp theo dự kiến quy trình tại Thông tư này.

3. Cách sử dụng tài liệu

Phần 1: Phần giới thiệu chung cung cấp thông tin tổng quan về Công ước. Phần này nhằm nâng cao nhận thức chung, có thể sử dụng trong tuyên truyền, phổ biến về Công ước Tổng đạt cũng như trong nghiên cứu, đào tạo, tập huấn. Tuy nhiên, nên kiểm tra lại các thông tin trên trang thông tin điện tử chính thức của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế, đặc biệt là những thông tin có thể thay đổi theo thời gian như: số lượng thành viên Công ước, thông tin chi tiết về việc gửi yêu cầu tổng đạt đến từng quốc gia thành viên, hiệu quả thực hiện Công ước trên thực tế.

Phần này còn định hướng cách hiểu thống nhất với các thuật ngữ trong Công ước và phạm vi áp dụng của Công ước. Đây là hai nội dung quan trọng cần biết trước khi thực hiện quy trình thủ tục tổng đạt giấy tờ.

Phần 2:

Hướng dẫn quy trình thủ tục thực hiện theo các kênh tổng đạt

- Mỗi kênh tổng đạt được trình bày gồm hai nội dung: **yêu cầu tổng đạt của Việt Nam gửi đến các nước thành viên Công ước** (tổng đạt của Việt Nam hoặc ủy thác tư pháp của Việt Nam - tùy từng trường hợp vì có những trường hợp tổng đạt gửi đi không thuộc phạm vi ủy thác tư pháp (UTTP) theo quy định của Luật tương trợ tư pháp năm 2007) và **yêu cầu tổng đạt của nước ngoài là thành viên Công ước gửi đến Việt Nam** (tổng đạt của nước ngoài hoặc UTTP của nước ngoài).

- Đối với mỗi nội dung: trình tự thủ tục thực hiện các kênh tổng đạt được mô tả bằng sơ đồ kèm theo sơ đồ, bảng giải thích và những vấn đề cần lưu ý.

+ Sơ đồ mô tả kênh tổng đạt: thể hiện các cơ quan có liên quan và trình tự chuyển hồ sơ giấy tờ. Trong sơ đồ các ô chữ nhật là tên của cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan trực tiếp đến quy trình tổng đạt. Mỗi cơ quan được gắn với một số thứ tự để thuận tiện cho việc giải thích trong bảng kèm theo.

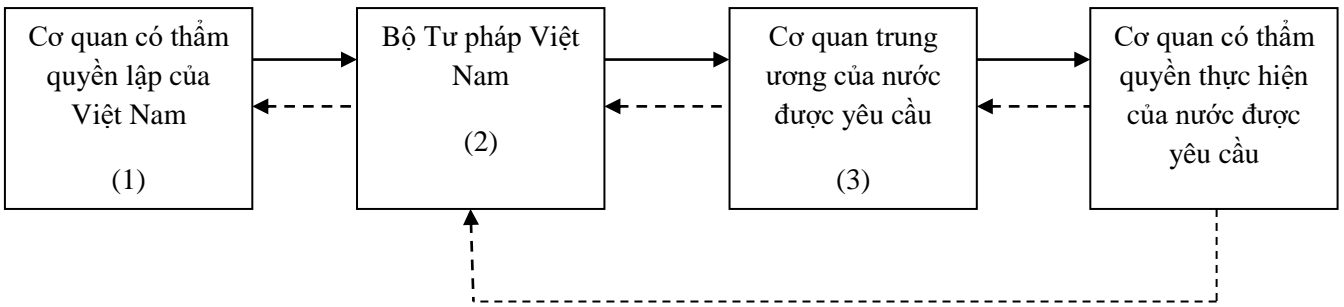
Đường gạch liền thể hiện quy trình gửi hồ sơ và đường gạch đứt quãng thể hiện quy trình trả kết quả.

Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

Chiều mũi tên thể hiện cơ quan tiếp theo nhận được hồ sơ hoặc kết quả trả lời

Ví dụ: Kênh chính trong trường hợp UTTP của Việt Nam



Như vậy, hồ sơ gửi đi từ cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP của Việt Nam qua Bộ Tư pháp Việt Nam, qua Cơ quan Trung ương của nước được yêu cầu và cuối cùng đến Cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu sẽ gửi giấy tờ cho người nhận.

Khi trả kết quả: Cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu có thể trả thẳng cho Bộ Tư pháp Việt Nam để trả cho Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP của Việt Nam hoặc trả qua Cơ quan trung ương của nước được yêu cầu.

+ Bảng giải thích và những vấn đề cần lưu ý

Do số thứ tự của mỗi cơ quan có liên quan trong quy trình không thay đổi nên để theo dõi quy trình gửi hồ sơ nên đọc bảng này theo thứ tự từ trên xuống dưới còn quy trình trả kết quả sẽ theo thứ tự từ dưới lên trên. Trường hợp cơ quan có liên quan chỉ muốn xác định công việc mà mình cần thực hiện trong một quy trình cụ thể (ví dụ: gửi hồ sơ) thì chỉ cần tìm ô có số thứ tự và tên cơ quan tương ứng

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền lập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tòa án: cấp tỉnh, cấp cao, tối cao - ... <p>Thời hạn gửi hồ sơ: theo quy định về thủ tục tố tụng có liên quan</p> <p>Hồ sơ:</p>	<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền lập</p> <p>Xử lý theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật thi hành án dân sự và pháp luật khác có liên quan.</p>
<p>(2) Bộ Tư pháp Việt Nam</p>	<p>(2) Bộ Tư pháp Việt Nam</p>
<p>...</p>	<p>...</p>

+ Sử dụng kết hợp sơ đồ và bảng giải thích các cơ quan có liên quan cần xem sơ đồ để xác định vị trí của mình trong quy trình tổng đạt (đã được đánh số), tìm các hướng dẫn và lưu ý trong bảng giải thích theo số tương ứng để xác định được công việc mà mình cần thực hiện

- Sử dụng kết hợp Tài liệu này với các tài liệu khác: tài liệu này cần sử dụng chung với bảng thông tin về:

- (i) Tên và địa chỉ của Cơ quan Trung ương của các quốc gia;
- (ii) Tuyên bố, bảo lưu của các quốc gia;
- (iii) Yêu cầu về chi phí và ngôn ngữ của các quốc gia.

Các bảng thông tin này sẽ được đăng trên trang tin Tương trợ tư pháp, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

Ngoài ra, để đảm bảo thông tin được cập nhật, khi sử dụng tài liệu này và các bảng thông tin kèm theo, cần kiểm tra lại các thông tin trên trang tin điện tử chính thức của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế (hcch.net) và nếu có thể sử dụng chung với các văn bản làm căn cứ xây dựng tài liệu này (đặc biệt là Sổ tay thực thi Công ước Tổng đạt).

PHẦN THỨ NHẤT

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT VÀ VIỆC GIA NHẬP CÔNG ƯỚC CỦA VIỆT NAM

1. Lịch sử:

Công ước Tổng đạt là công ước đa phương do Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế soạn thảo và thông qua vào ngày 15/11/1965 tại phiên họp lần thứ 10 của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế, có hiệu lực vào ngày 10/02/1969.

2. Số lượng thành viên:

Đến ngày 13/6/2016, Công ước La Hay về tổng đạt đã có 71 thành viên là các quốc gia phát triển và đang phát triển, có truyền thống pháp luật khác nhau².

3. Cấu trúc:

Công ước gồm 31 điều và một Phụ lục các mẫu Yêu cầu tổng đạt, Giấy xác nhận kết quả tổng đạt, Nội dung tóm tắt giấy tờ được tổng đạt.

4. Các thuật ngữ chính:

Thuật ngữ	Định nghĩa/ cách hiểu
Tổng đạt	<p>Mặc dù Công ước không đưa ra định nghĩa, tuy vậy “tổng đạt” có thể hiểu là việc chuyển giao giấy tờ từ một quốc gia thành viên đến quốc gia thành viên khác. Bản tiếng Anh và tiếng Pháp của Công ước có sự khác biệt về từ ngữ vì tại Pháp có sự khác biệt giữa tổng đạt (signifié - do cán bộ tòa án hoặc thừa phát lại thực hiện) hoặc thông báo (notifié - không do cán bộ tòa án hoặc thừa phát lại thực hiện), tuy nhiên tại các nước Common law không có sự phân biệt này nên bản tiếng Anh chỉ sử dụng từ tổng đạt bao gồm cả hai nghĩa trên (service). Bản tiếng Việt của Công ước được dịch từ bản tiếng Anh của Công ước.</p> <p>Công ước không quy định loại giấy tờ nào cần phải được tổng đạt. Vấn đề này do pháp luật nước yêu cầu quy định.</p> <p>Công ước không quy định cụ thể tổng đạt sẽ được thực hiện như thế nào sau khi giấy tờ đã được chuyển giao theo các</p>

² <https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=17>

	<p>kênh trong Công ước. Việc thực hiện sẽ theo pháp luật của nước được yêu cầu hoặc trên cơ sở đề nghị của nước yêu cầu (với phương thức thực hiện tổng đạt đặc biệt).</p> <p>Công ước không quy định về giá trị của tổng đạt (tổng đạt có hợp lệ hay không). Vấn đề này sẽ được Tòa án của nước yêu cầu sẽ quyết định trên cơ sở: pháp luật của nước được yêu cầu (tổng đạt được thực hiện theo Điều 5), pháp luật của nước yêu cầu / nước gửi (tổng đạt qua thư tại Điều 10 (a))</p>
<p>Giấy tờ tư pháp và giấy tờ ngoài pháp</p>	<p>Công ước áp dụng với việc tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp nhưng không có định nghĩa cụ thể về các loại giấy tờ này. Việc phân loại phụ thuộc vào pháp luật của nước yêu cầu/nước gửi. Theo Sổ tay Công ước:</p> <p>Giấy tờ tư pháp là các giấy tờ trong các vụ án (có tranh chấp) hoặc các việc dân sự (không có tranh chấp) hoặc giấy tờ cho thi hành. Các giấy tờ tư pháp có thể bao gồm thông báo triệu tập, phản hồi của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn, quyết định và phán quyết được tuyên bởi một cán bộ của cơ quan tư pháp có thẩm quyền, cũng như giấy triệu tập nhân chứng và yêu cầu thu thập chứng cứ gửi đến các bên (chỉ gửi yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ, không phải yêu cầu tòa án nước ngoài thu thập chứng cứ).</p> <p>Tại Việt Nam, các giấy tờ tư pháp chính là các văn bản tố tụng cần được cấp, tổng đạt thông báo quy định tại Điều 171 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông báo, giấy báo, giấy triệu tập, giấy mời trong tố tụng dân sự; + Bản án, quyết định của Tòa án; + Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát; các văn bản của cơ quan thi hành án dân sự; + Các văn bản tố tụng khác mà pháp luật có quy định. <p>Giấy tờ ngoài tư pháp không trực tiếp liên quan đến xét xử, tuy nhiên, giấy tờ này phải do một cơ quan có thẩm quyền hoặc cán bộ tư pháp ban hành. Các loại giấy tờ ngoài tư pháp thuộc phạm vi quy định của Điều 17 Công ước Tổng đạt có thể bao gồm văn bản công chứng, yêu cầu trả tiền, thông báo từ bỏ liên quan đến hợp đồng thuê dài hạn hoặc hợp đồng lao động, từ chối chấp nhận thương phiếu và các công cụ chuyển nhượng với</p>

	<p>điều kiện là chúng phải được phát hành bởi một cơ quan có thẩm quyền hoặc thừa phát lại, thông báo ngày hòa giải, thông báo của chủ nợ cho người mắc nợ, các giấy tờ về thừa kế, thông báo cho người có lợi ích liên quan về một tài sản thừa kế, quyết định liên quan đến cấp dưỡng cho con và quyết định liên quan đến ly hôn và ly thân do cơ quan hành chính có thẩm quyền ban hành, triệu tập của thừa phát lại, chứng thư.... Các giấy tờ phản đối hôn nhân, đồng ý nhận con nuôi, chấp nhận quan hệ cha con cũng thuộc loại này nếu chúng phù hợp với các thủ tục nhất định. Trên thực tế, yêu cầu tổng đạt giấy tờ ngoài tư pháp chiếm tỷ lệ rất nhỏ, thường do tòa án, thừa phát lại hoặc cán bộ thi hành án tổng đạt.</p> <p>Một số nước thành viên của Công ước Tổng đạt như Hoa Kỳ, Cộng hòa Séc, Thụy Điển... năm 2008 thông tin cho Hội nghị rằng pháp luật trong nước của các quốc gia này không có quy định về giấy tờ ngoài tư pháp.</p> <p>Hiện nay, Việt Nam chưa có định nghĩa về loại giấy tờ này.</p>
<p>Các vấn đề dân sự hoặc thương mại</p>	<p>Định nghĩa các vấn đề dân sự hoặc thương mại được giải thích một cách độc lập, không nên dẫn chiếu đến pháp luật của quốc gia yêu cầu hay quốc gia được yêu cầu. Việc giải thích vấn đề dân sự và thương mại trước hết phải căn cứ vào mục tiêu của Công ước.</p> <p>Cụm từ này nên được giải thích theo nghĩa rộng bao gồm cả những vấn đề về phá sản, bảo hiểm và lao động. Tuy nhiên có một số nội dung thuộc về pháp luật công hoặc hành chính như thuế sẽ không thuộc phạm vi các vấn đề dân sự hoặc thương mại theo quy định của Công ước. Mặc dù vậy, Công ước không ngăn cản các quốc gia thành viên áp dụng Công ước trong quan hệ với nhau liên quan đến luật công. Ở một số quốc gia, Công ước còn được áp dụng trong các thủ tục liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có.</p>
<p>Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ/ Cơ quan có thẩm quyền gửi</p>	<p>Cơ quan này được xác định theo pháp luật của nước yêu cầu. Tại Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; + Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;

	<p>+ Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh;</p> <p>+ Cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định pháp luật.</p>
<p>Cơ quan Trung ương</p>	<p>Cơ quan Trung ương là cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ yêu cầu tổng đạt theo kênh chính của Công ước từ các quốc gia thành viên khác. Ngoài nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ từ kênh chính, Cơ quan Trung ương có thể thực hiện nhiệm vụ của cơ quan lập hồ sơ hoặc cơ quan gửi theo quy định của pháp luật quốc gia yêu cầu hoặc cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo các kênh ngoại giao, lãnh sự nếu được quốc gia yêu cầu chỉ định. Các Cơ quan Trung ương có nhiệm vụ thông tin cho nhau về pháp luật có liên quan và các yêu cầu về chi phí, ngôn ngữ...</p> <p>Danh sách và địa chỉ của các Cơ quan trung ương của nước ngoài được công bố và cập nhật tại địa chỉ: (link)</p> <p>Tại Việt Nam, Cơ quan Trung ương được chỉ định là Bộ Tư pháp: thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ theo kênh chính, các kênh ngoại giao, lãnh sự gián tiếp.</p>
<p>Các kênh tổng đạt</p>	<p>Các kênh tổng đạt là các cách thức để chuyển giấy tờ từ một quốc gia thành viên này sang quốc gia thành viên khác.</p> <p>Các kênh này khác với các phương thức tổng đạt cụ thể tại quốc gia được yêu cầu sau khi nhận giấy tờ từ quốc gia thành viên Công ước.</p> <p>Các kênh tổng đạt theo Công ước gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + kênh chính (Điều 2 đến Điều 7) thông qua Cơ quan Trung ương, + các kênh thay thế: kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp (Điều 8), kênh lãnh sự gián tiếp (đoạn 1 Điều 9), kênh ngoại giao gián tiếp (đoạn 2 Điều 9), kênh bưu điện (đoạn a Điều 10), kênh tổng đạt giữa các cán bộ có thẩm quyền (đoạn b Điều 10), kênh tổng đạt giữa người có liên quan và cán bộ có thẩm quyền (đoạn c Điều 10). <p>Việt Nam tuyên bố không áp dụng các kênh tổng đạt tại đoạn b và c Điều 10.</p> <p>Đối với kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp, Việt Nam tuyên</p>

bổ cơ quan đại diện ngoại giao lãnh sự chỉ có thể tổng đạt giấy tờ cho công dân của nước gửi (tại Việt Nam, các cơ quan này không được tổng đạt cho công dân Việt Nam hay nước thứ ba).

Đối với kênh bưu điện, Việt Nam tuyên bố giấy tờ gửi đến Việt Nam phải được gửi bằng thư bảo đảm có xác nhận của người nhận. Giấy tờ gửi từ Việt Nam có thể thực hiện theo kênh này hay không phụ thuộc vào tuyên bố của nước nơi nhận giấy tờ.

+ các kênh bổ sung: theo điều ước khác giữa các nước là thành viên Công ước Tổng đạt hoặc theo nội luật quốc gia.

Các kênh theo Công ước rất đa dạng và có giá trị pháp lý như nhau tuy nhiên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nên cân nhắc kỹ để lựa chọn kênh tổng đạt phù hợp. **Kênh chính nên được áp dụng vì Công ước có quy định rõ ràng về trình tự thủ tục và cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận.** Các kênh khác không có quy định cụ thể, phụ thuộc nhiều vào tuyên bố, bảo lưu của các quốc gia thành viên Công ước (VD: kênh bưu điện, kênh ngoại giao lãnh sự trực tiếp...) hoặc phải qua nhiều cơ quan trung gian (kênh ngoại giao, lãnh sự gián tiếp).

5. Mục tiêu

Mục tiêu của Công ước là: (a) Xây dựng một hệ thống có thể đảm bảo được rằng người nhận được thông báo có đủ thời gian để bảo vệ quyền lợi của mình; (b) Đơn giản hóa phương thức tổng đạt giấy tờ từ quốc gia yêu cầu đến quốc gia được yêu cầu; (c) Đưa ra được bằng chứng là tổng đạt đã được hoàn thành dưới hình thức là giấy xác nhận kết quả theo mẫu thống nhất.

6. Phạm vi áp dụng

Lưu ý: Công ước chỉ áp dụng cho việc tổng đạt giấy tờ, không áp dụng cho việc thu thập chứng cứ như lấy lời khai, đề nghị cung cấp tài liệu... Tuy nhiên, văn bản của tòa án yêu cầu người được tổng đạt cung cấp chứng cứ (các giấy tờ tài liệu mà người đó đang nắm giữ hoặc đề nghị người được tổng đạt gửi văn bản ghi ý kiến hay bản tự khai theo các câu hỏi hoặc nội dung Tòa án yêu cầu) là một văn bản tố tụng có thể chuyển giao theo các kênh tổng đạt, khi đó cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chỉ xác nhận việc tổng đạt văn bản yêu cầu này mà không thực hiện thu thập chứng cứ trên cơ sở ủy thác từ cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Theo quy định tại Điều 1 Công ước Tổng đạt, Công ước chỉ được áp dụng khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

Thứ nhất, giấy tờ phải được tổng đạt từ quốc gia thành viên này sang quốc gia thành viên khác

Công ước áp dụng cho địa chỉ tổng đạt (nơi giấy tờ cần được tổng đạt đến/địa chỉ cần được tổng đạt là tại một quốc gia thành viên khác của Công ước) mà không phụ thuộc vào quốc tịch hoặc nơi cư trú (kể cả thường trú, tạm trú) của đương sự.

Thứ hai, giấy tờ tổng đạt phải là giấy tờ tư pháp hoặc ngoài tư pháp

Thứ ba, giấy tờ tổng đạt phải là giấy tờ liên quan tới các vấn đề về dân sự hoặc thương mại

Thứ tư, địa chỉ của người nhận (người được tổng đạt) phải xác định được

Trên thực tế, cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu có quyền xử lý trong trường hợp địa chỉ không đầy đủ, không chính xác, không có địa chỉ đó hoặc có sự thay đổi địa chỉ. Trường hợp này, sau khi xác minh địa chỉ chính xác của đương sự mà không tìm được, các quốc gia mới trả lại hồ sơ. Theo khuyến nghị của Ban thư ký Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế, yêu cầu tổng đạt nên cung cấp thêm thông tin về người mà Cơ quan Trung ương của nước ngoài có thể liên lạc trong trường hợp cần thêm thông tin về địa chỉ của người được tổng đạt. Ngoài ra, việc xác định chính xác tên của đương sự có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt trong trường hợp đương sự là pháp nhân.

7. Nội dung chính

Công ước Tổng đạt chỉ tập trung vào 2 vấn đề chính là:

7.1. Thủ tục tổng đạt giấy tờ (các kênh tổng đạt) (hướng dẫn tại Phần thứ hai)

Công ước Tổng đạt quy định 01 kênh tổng đạt chính thông qua Cơ quan Trung ương của nước được yêu cầu (Điều 2 đến Điều 7) và các kênh tổng đạt thay thế, bổ sung (Điều 8 đến Điều 11) gồm: (i) tổng đạt trực tiếp cho đương sự ở nước ngoài thông qua cơ quan ngoại giao, lãnh sự (Điều 8); (ii) tổng đạt cho cơ quan thẩm quyền của nước được yêu cầu thông qua cơ quan ngoại giao, lãnh sự (Điều 9); (iii) tổng đạt trực tiếp cho đương sự ở nước ngoài qua đường bưu điện (điểm a Điều 10); (iv) tổng đạt từ nhân viên tư pháp, cán bộ hoặc người có thẩm quyền của nước yêu cầu trực tiếp qua nhân viên tư pháp, cán bộ hoặc

người có thẩm quyền của nước được yêu cầu (điểm b Điều 10); (v) tổng đạt từ bất kỳ cá nhân nào có liên quan trong thủ tục tố tụng trực tiếp qua nhân viên tư pháp, cán bộ hoặc người có thẩm quyền của nước được yêu cầu (điểm c Điều 10); (vi) các kênh tổng đạt khác mà các nước thành viên chấp nhận (Điều 11).

Kênh tổng đạt chính và kênh tổng đạt thay thế, kênh tổng đạt bổ sung đều có giá trị pháp lý như nhau. Công ước Tổng đạt không đưa ra bất kỳ ưu tiên, hoặc thứ bậc nào cho các kênh tổng đạt này. Các quốc gia tham gia Công ước Tổng đạt có quyền lựa chọn sử dụng kênh tổng đạt nào mà họ thấy rằng phù hợp với điều kiện của quốc gia mình. Tuy nhiên, có 2 vấn đề cần lưu ý:

Thứ nhất, kênh chính nên được ưu tiên áp dụng vì có quy định rõ ràng hơn về thể thức, trình tự thủ tục và trên thực tế kênh này được thực hiện rất hiệu quả (Các yêu cầu tổng đạt giấy tờ đạt kết quả trên 90% trong đó gần 70% yêu cầu được thực hiện chỉ trong vòng 2 tháng).

Thứ hai, các quy định có tính chất bảo vệ cho bị đơn là người được tổng đạt giấy tờ quy định tại Điều 15 và 16 Công ước không áp dụng với các kênh tổng đạt bổ sung quy định tại Điều 11 Công ước.

7.2. Xét xử vắng mặt liên quan đến việc tổng đạt giấy triệu tập bị đơn (bảo vệ bị đơn trước hoặc sau khi tòa án ra phán quyết vắng mặt bị đơn do bị đơn không nhận được giấy triệu tập tham gia thủ tục tố tụng)

Về xét xử vắng mặt, Công ước Tổng đạt quy định về hai nội dung liên quan đến thẩm quyền tố tụng của cơ quan xét xử của quốc gia thành viên, đó là:

(i) quy định yêu cầu thẩm phán không đưa ra bản án, quyết định khi bị đơn vắng mặt cho đến khi việc tổng đạt được thực hiện trong điều kiện nhất định và trong khoảng thời gian nhất định, tuy nhiên bản án, quyết định có thể được tuyên khi vắng mặt bị đơn nếu đáp ứng một số điều kiện cụ thể (Điều 15); Điều 15 Công ước đã được nội luật hóa tại quy định tương ứng của Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việt Nam đã tuyên bố áp dụng đoạn 2 Điều 15 Công ước, cho phép xét xử vắng mặt bị đơn khi không nhận được giấy xác nhận kết quả tổng đạt giấy triệu tập bị đơn khi đáp ứng các điều kiện nhất định.

(ii) cho phép bị đơn không bị ràng buộc bởi thời hiệu kháng cáo khi đáp ứng một số điều kiện nhất định (Điều 16). Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Điều 479) quy định khoảng thời gian để nộp đơn kháng cáo của đương sự ở nước ngoài vắng mặt vì lý do không nhận được thông báo triệu tập quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật này là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án. Các kháng cáo quá hạn sẽ được xem xét theo thủ tục chung. Khi xem xét đơn kháng

cáo vượt quá thời hạn này, các thẩm phán cần xem xét các điều kiện tại Điều 16 Công ước.

Nội dung chính của Công ước được thể hiện trong các bảng dưới đây:

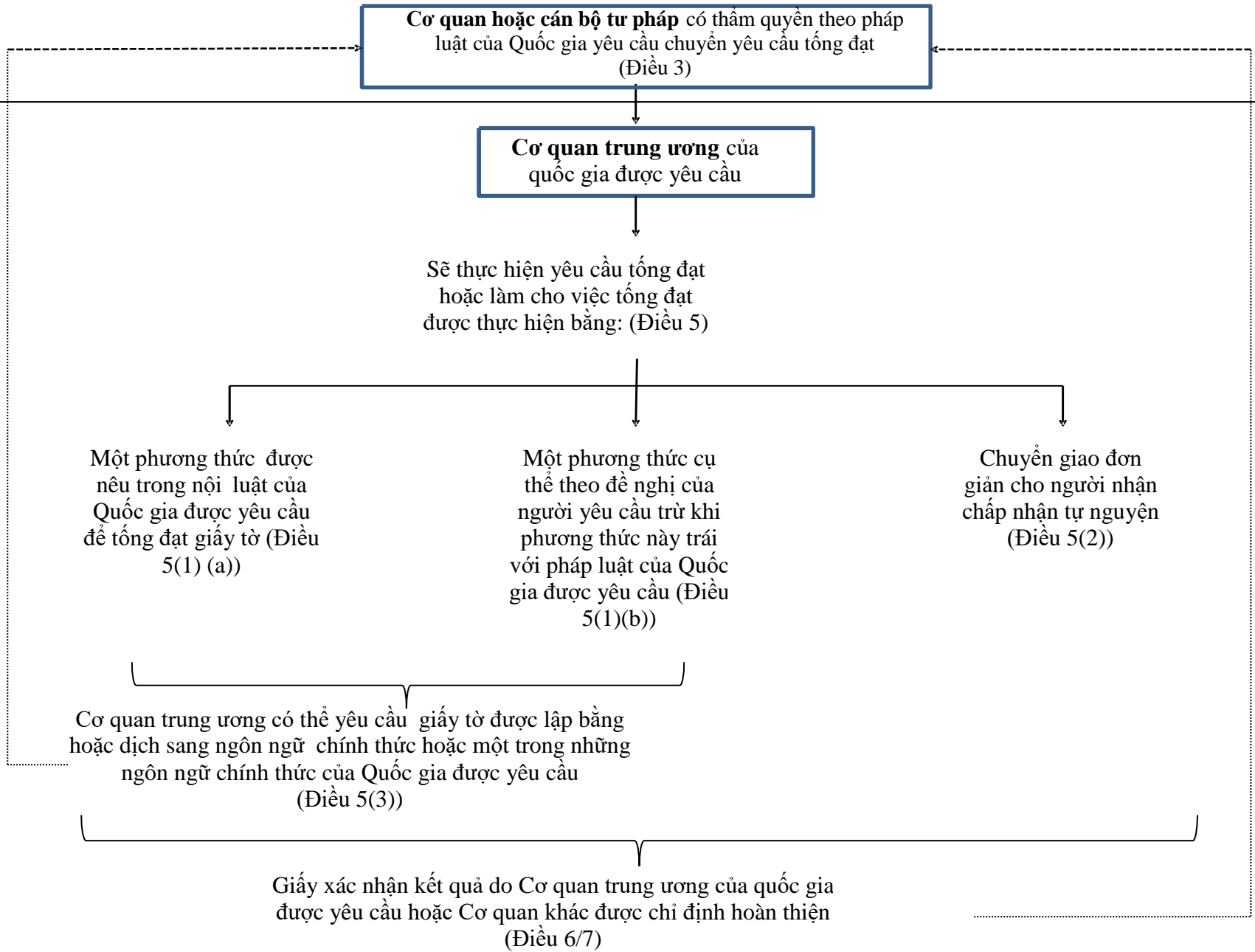
BẢNG 1: KÊNH TỔNG ĐẠT CHÍNH

QUỐC GIA
YÊU CẦU

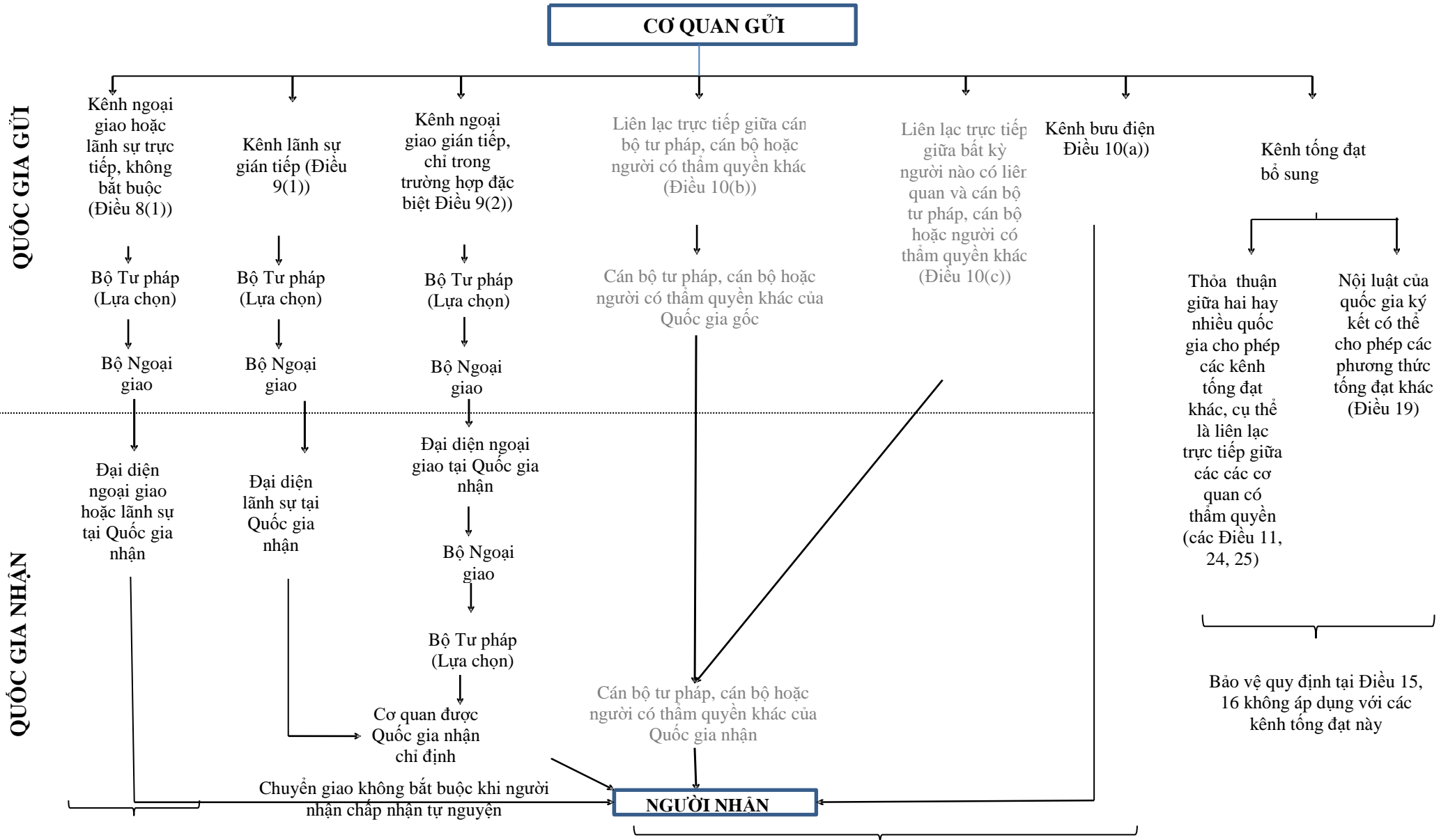
QUỐC GIA ĐƯỢC YÊU CẦU

Yêu cầu dịch thuật

Gửi Giấy xác nhận kết quả tổng đạt



BẢNG 2: Kênh tổng đạt thay thế và bổ sung



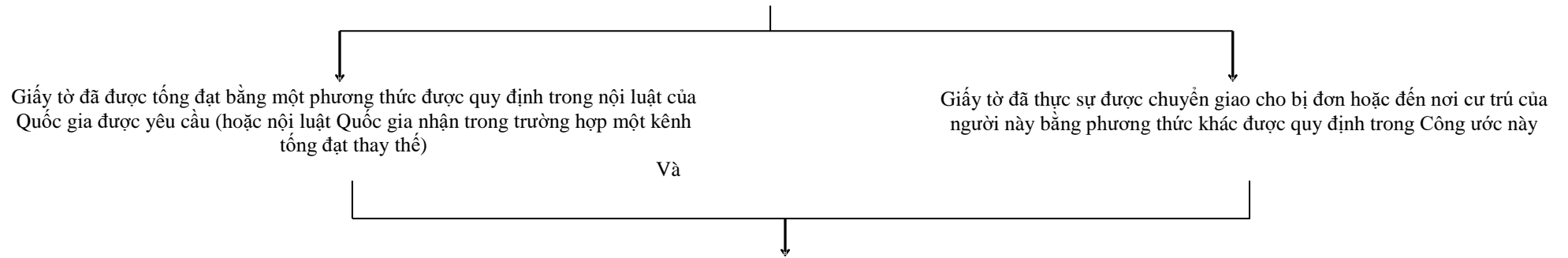
Có thể phản đối, trừ khi giấy tờ được tổng đạt cho công dân của quốc gia gửi

Quốc gia nhận có thể phản đối (Điều 10)

ĐIỀU 15: BẢO VỆ BỊ ĐƠN TRƯỚC KHI RA PHÁN QUYẾT

TỔNG ĐẠT RA NƯỚC NGOÀI

Nếu bị đơn không có mặt, phán quyết không thể được đưa ra cho đến khi chứng minh được rằng



Tổng đạt hoặc chuyển giao đã được thực hiện trong một khoảng thời gian đủ để bị đơn tự bảo vệ

Thẩm phán có thể ra quyết định nếu như tất cả các điều kiện sau đây được đáp ứng:

- Quốc gia ký kết đã tuyên bố về nội dung này;
- Giấy tờ đã được chuyển giao bằng một trong các phương thức được quy định trong Công ước;
- Không nhận được Giấy xác nhận kết quả dưới bất kỳ dạng nào, cho dù đã thực hiện mọi nỗ lực hợp lý để có được giấy này thông qua Cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu (hoặc, Cơ quan có thẩm quyền của nước nhận trong trường hợp một kênh tổng đạt thay thế);
- Đã hết một khoảng thời gian không ít hơn 6 tháng mà thẩm phán cho là phù hợp kể từ ngày chuyển giao giấy tờ.

PHÁN QUYẾT VẮNG MẶT

Điều 16 Bảo vệ bị đơn sau phán quyết

Giấy triệu tập hoặc giấy tờ tương đương đã được chuyển giao ra nước ngoài để tổng đạt theo quy định của Công ước



Phán quyết vắng mặt đã được tuyên



Thẩm phán có thể gia hạn kháng cáo (cho phép bị đơn không phải chịu ràng buộc đối với hiệu lực của việc hết thời hạn kháng cáo với phán quyết đó), nếu đáp ứng toàn bộ các điều kiện sau đây:

- Đơn đề nghị nộp trong một khoảng thời gian hợp lý sau khi bị đơn biết được phán quyết hoặc trong khoảng thời gian xác định bởi Quốc gia trong tuyên bố của mình với cơ quan lưu chiểu về nội dung này (khoảng thời gian này không được ít hơn 01 năm từ ngày ra phán quyết);
- Bị đơn hoàn toàn không do lỗi của mình, không biết được về giấy tờ tổng đạt trong thời gian đủ để tự bảo vệ, hoặc không biết được về phán quyết trong khoảng thời gian đủ để kháng cáo;
- Bị đơn đã nộp cho Tòa án 1 bản tự bảo vệ rõ ràng ngay từ đầu (prima facie) về nội dung vụ việc.

8. Sự cần thiết và quá trình Việt Nam gia nhập Công ước Tổng đạt

Thực hiện chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ trương chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, có hiệu quả³, cho đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước và 70 vùng lãnh thổ và quan hệ thương mại với 165 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, tham gia các tổ chức khu vực và quốc tế quan trọng. Số lượng người Việt Nam sinh sống, lao động, học tập tại nước ngoài và người nước ngoài cư trú tại Việt Nam tăng nhanh⁴. Theo đó, các quan hệ dân sự, thương mại phát triển mạnh mẽ, phong phú đa dạng cả về nội dung và hình thức.

Việc hội nhập quốc tế sâu rộng hơn bên cạnh các tác động tích cực cũng làm phát sinh tác động tiêu cực mà hệ quả tất yếu là các vụ việc tranh chấp về dân sự, thương mại, hành chính có yếu tố nước ngoài phát sinh ngày càng nhiều. Để giải quyết được các vụ việc này, phải có sự hỗ trợ, hợp tác quốc tế, tương trợ tư pháp giữa các nước có liên quan, trong đó có các công việc như tổng đạt giấy tờ, thu thập chứng cứ... Điều này thể hiện rất rõ qua số lượng hồ sơ yêu cầu ủy thác tư pháp về dân sự mà Việt Nam đã tiếp nhận của nước ngoài và đề nghị nước ngoài hỗ trợ tăng mạnh trong thời gian gần đây. Nếu trong giai đoạn từ năm 2008 - 2011, trung bình mỗi năm Việt Nam gửi đi khoảng gần 1800 yêu cầu ủy thác tư pháp (UTTP) thì đến giai đoạn năm 2012-2014 con số này đã tăng lên đến gần 3000 yêu cầu, trong đó khoảng 80% là các yêu cầu tổng đạt giấy tờ, tài liệu.⁵

Các yêu cầu UTTP giữa Việt Nam và nước ngoài được thực hiện trước tiên trên cơ sở các điều ước quốc tế mà hai bên là thành viên. Trường hợp không có điều ước quốc tế thì các yêu cầu UTTP được thực hiện trên cơ sở có đi có lại và phụ thuộc vào sự thiện chí hợp tác của phía nước ngoài đối với Việt Nam. Hiện

³ Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế.

⁴ Số liệu thống kê đưa ra tại Hội nghị người Việt Nam ở nước ngoài lần thứ hai với chủ đề “Tầm nhìn đến năm 2020 - Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài Hội nhập và phát triển cùng đất nước” do Bộ Ngoại giao, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài cho thấy số lượng người Việt Nam sinh sống, lao động và học tập tại nước ngoài trong những năm qua đã lên tới 4,5 triệu người. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trong năm 2014, đầu tư trực tiếp nước ngoài thu hút 1588 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 15642,6 triệu USD tăng 24,5% về số dự án và 9,6 % về số vốn so với năm 2013. Theo số liệu của Bộ Công an: Tính đến tháng 06/2013, đã có 44.080.492 lượt người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, trong đó có 27.050.364 lượt người nước ngoài vào Việt Nam tham quan du lịch, thăm thân, tăng khá nhanh và đa dạng về quốc tịch; thu hút người nước ngoài vào 14.489 dự án của 98 quốc gia và vùng lãnh thổ (nhiều nhất là Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc và Singapore) đầu tư tại Việt Nam (ở cả 63 tỉnh, thành trong cả nước) với tổng số vốn đăng ký lên tới 213,6 tỷ USD. Số lượng người nước ngoài ở Việt Nam và người Việt Nam định cư ở nước ngoài tăng lên từ 5 đến 10 % mỗi năm.

⁵ Báo cáo số 14/BC-BTP ngày 20/01/2015 về Kết quả Tổng kết 6 năm thi hành Luật Tương trợ tư pháp và Báo cáo số 413/BC-CP ngày 17/10/2014 về Hoạt động tương trợ tư pháp của Chính phủ trình Quốc hội.

nay, cơ sở điều ước quốc tế cho việc thực hiện UTTP trong lĩnh vực dân sự giữa Việt Nam và các nước là 17 Hiệp định/Thỏa thuận tương trợ tư pháp đang có hiệu lực,⁶ trong đó phần nhiều là các Hiệp định với các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa trước đây. So với số lượng quốc gia/vùng lãnh thổ mà Việt Nam hiện có quan hệ ngoại giao và quan hệ thương mại thì số lượng các Hiệp định/Thỏa thuận tương trợ tư pháp song phương đang có hiệu lực này trở nên quá nhỏ. Vì vậy, chưa tạo ra được cơ sở pháp lý quốc tế đầy đủ để đáp ứng nhu cầu về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về dân sự trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam. Số liệu thực hiện UTTP trong các năm từ 2014 đến nay cho thấy rõ bất cập này: 85% yêu cầu UTTP gửi ra nước ngoài là gửi đi những nước chưa có Hiệp định tương trợ tư pháp với Việt Nam, tỷ lệ không có kết quả lên đến 52% và nếu có kết quả thì thời gian thực hiện thường rất dài, có khi đến hàng năm.⁷ Hệ lụy là vụ việc không xét xử được hoặc giải quyết rất chậm, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của người dân và công tác xét xử của Tòa án. Nguyên nhân chính của tình trạng này là Việt Nam chưa ký điều ước về tương trợ tư pháp với các nước yêu cầu nên không có cơ sở pháp lý để yêu cầu phía nước ngoài thực hiện các yêu cầu UTTP.⁸ Mặc dù các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã tích cực trao đổi, đề xuất đàm phán hiệp định tương trợ tư pháp song phương với các nước mà Việt Nam có nhu cầu cao về UTTP trong lĩnh vực dân sự như Hoa Kỳ, Ôt-xtrây-li-a, Đức, Ca-na-đa, Nhật Bản... nhưng phía nước ngoài không sẵn sàng đàm phán với Việt Nam vì hầu hết các nước này đã tham gia các thiết chế đa phương có liên quan, cụ thể là Công ước Tổng đạt.

Thực tiễn và xu hướng về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tương trợ tư pháp cho thấy, nếu như việc ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp song phương giữa hai nước chỉ tạo cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác tư pháp giữa hai quốc gia với nhau thì việc tham gia cơ chế đa phương về hợp tác tương trợ tư pháp đem lại cơ hội thiết lập quan hệ điều ước quốc tế để hợp tác với rất nhiều nước. Đồng thời, các thiết chế đa phương là chuẩn mực chung của cộng đồng quốc tế đã được trải

⁶ Theo Báo cáo số 413/BC-CP ngày 17/10/2014 về Hoạt động tương trợ tư pháp của Chính phủ trình Quốc hội, Việt Nam đã ký kết 17 Hiệp định/Thỏa thuận tương trợ tư pháp song phương về dân sự. Tính đến ngày 28/6/2015, 17 Hiệp định/ Thỏa thuận tương trợ tư pháp song phương đều đã có hiệu lực.

⁷ Các báo cáo về Hoạt động tương trợ tư pháp của Chính phủ trình Quốc hội: Báo cáo số 413/BC-CP ngày 17/10/2014; Báo cáo số 557/BC-CP ngày 21/10/2015

⁸ Số lượng yêu cầu UTTP về dân sự của Việt Nam gửi đi những nước chưa ký hiệp định TTTP với Việt Nam đồng thời cũng không đề nghị Việt Nam thực hiện TTTP cho họ khá lớn (chiếm từ 70-75% tổng số yêu cầu UTTP gửi đi, trong năm 2014, số lượng hồ sơ gửi đi những nước mà Việt Nam chưa có Hiệp định chiếm 85% tổng số yêu cầu) và tập trung nhiều đến Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Ôt-xtrây-li-a, Cộng hòa liên bang Đức, Hàn Quốc.

nghiệm và khẳng định. Do đó, việc nghiên cứu gia nhập các điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp là hướng đi đúng, lâu dài tạo cơ sở pháp lý cho việc tăng cường hợp tác cùng lúc với nhiều quốc gia trong việc xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh, giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực dân sự, kinh tế, thương mại có yếu tố nước ngoài đang ngày càng tăng lên. Chính vì vậy, Việt Nam không thể đứng ngoài xu hướng chung của thế giới là tham gia thiết chế đa phương về tương trợ tư pháp quốc tế để tăng cường hợp tác tương trợ tư pháp, qua đó đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước.

Trong các thiết chế đa phương tương trợ tư pháp về dân sự, Công ước Tổng đạt là công ước quan trọng nhất với 71 thành viên là các quốc gia từ các hệ thống pháp luật khác nhau. Công ước Tổng đạt quy định các kênh tổng đạt giấy tờ với thủ tục đơn giản, tạo sự linh hoạt cho các quốc gia thành viên lựa chọn áp dụng cách thức phù hợp nhất với điều kiện của mình. Thực tiễn thực thi Công ước Tổng đạt của các nước thành viên đều cho thấy, việc thực hiện tổng đạt giấy tờ theo quy định của Công ước đạt kết quả rất cao (trên 90%) với thời gian ngắn (hầu hết được thực hiện trong vòng 2 tháng). Điều này đã đáp ứng thời gian tố tụng, góp phần làm giảm chi phí, hỗ trợ tích cực cho hoạt động xét xử của các cơ quan tố tụng trong nước.

Trong bối cảnh số lượng yêu cầu tổng đạt giấy tờ của Việt Nam (chiếm trên 80% yêu cầu UTTP về dân sự) đang ngày càng gia tăng và việc ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp song phương trong lĩnh vực dân sự gặp nhiều khó khăn, thì việc gia nhập Công ước Tổng đạt là thật sự cấp thiết. Công ước Tổng đạt sẽ tạo cơ sở pháp lý đa phương để Việt Nam đề nghị nước ngoài thực hiện các yêu cầu tổng đạt giấy tờ nhằm giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài liên quan.

Việc gia nhập Công ước Tổng đạt phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế, phù hợp với Nghị quyết của Đại hội Đảng XI; đặc biệt là quan điểm tăng cường hợp tác quốc tế về tư pháp, xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế qua việc “tham gia các điều ước quốc tế đa phương về tương trợ tư pháp” nêu tại Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, về “tiếp tục ký kết hiệp định tương trợ tư pháp với các nước khác” nêu tại Nghị quyết số 49- NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở đánh giá sự cần thiết của việc gia nhập Công ước, ngày 08/12/2015 Chủ tịch nước ban hành Quyết định số 2731/2015/QĐ-CTN về việc gia nhập Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (sau đây gọi là Công ước) và giao Bộ Tư pháp là Cơ quan Trung ương của Việt Nam trong khuôn khổ Công ước, ngày 16/3/2016, Việt Nam đã nộp văn kiện gia nhập Công ước. Dự kiến Công ước sẽ chính thức có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 01/10/2016.

9. Lợi ích cơ bản của việc gia nhập Công ước Tổng đạt

Việc gia nhập Công ước Tổng đạt mang lại những tác động chính trị, kinh tế, xã hội tích cực đối với Việt Nam, cụ thể như sau:

Về mặt chính trị, Công ước Tổng đạt là một trong những điều ước thuộc khuôn khổ Hội nghị La Hay có nhiều nước thành viên tham gia nhất (đa số thành viên của Công ước cũng đồng thời là thành viên của Hội nghị La Hay). Việt Nam cũng đã chính thức trở thành thành viên Hội nghị La Hay vào tháng 4 năm 2013. Vì vậy, việc Việt Nam gia nhập Công ước Tổng đạt một mặt trực tiếp thực hiện chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước về tích cực, chủ động hội nhập quốc tế trên mọi lĩnh vực, mặt khác thể hiện sự sẵn sàng hợp tác của Việt Nam với các nước trên thế giới nói chung trong việc cùng hỗ trợ nhau giải quyết những vấn đề tư pháp quốc tế nói riêng.

Về kinh tế, xã hội, việc gia nhập Công ước Tổng đạt sẽ góp phần trực tiếp giải quyết các vướng mắc, khó khăn trong hoạt động UTTP về tổng đạt giấy tờ của Việt Nam hiện nay, giúp tiết kiệm chi phí và thời gian cho các bên đương sự và cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết các vụ việc cần UTTP ra nước ngoài, cụ thể là:

- Việc gia nhập Công ước Tổng đạt sẽ giúp cho hoạt động tổng đạt giấy tờ của Việt Nam ra nước ngoài có kết quả và thời gian thực hiện ngắn hơn rất nhiều so với quá trình thực hiện ủy thác từ trước đến nay. Theo thống kê của Ban Thư ký Hội nghị La Hay, 66% các yêu cầu tổng đạt trong khuôn khổ Công ước được thực hiện trong vòng 2 tháng.⁹ Do đó, gia nhập Công ước Tổng đạt giúp cho Việt Nam giải quyết được tình trạng “ách tắc” trong công tác tương trợ tư pháp về dân sự và xét xử các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, đảm bảo quy trình tố tụng cũng như góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của tổ chức và cá nhân của Việt Nam và nước ngoài.

⁹ Thống kê từ kết quả khảo sát năm 2008, công bố tháng 11/2009 trên trang thông tin điện tử của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế: <http://www.hcch.net/upload/outline14e.pdf>

- Công ước đặt ra yêu cầu các quốc gia thành viên phải có trách nhiệm chỉ định chính thức Cơ quan Trung ương theo kênh tổng đạt chính. Nếu gia nhập Công ước này Việt Nam sẽ có điều kiện thuận lợi, cơ chế rõ ràng để trao đổi thông tin với các Cơ quan Trung ương các nước khác để kịp thời xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện tổng đạt giấy tờ, tránh được tình trạng không biết được nguyên nhân của việc chậm trễ trong thực hiện UTTP với các vụ việc dân sự cụ thể.

- Công ước đưa ra một mẫu Giấy xác nhận kết quả tổng đạt là chứng cứ quan trọng cho việc xác nhận hoạt động tổng đạt đã được thực hiện ở nước ngoài bởi vì xác nhận này do cơ quan của nước ngoài đưa ra và là cơ sở để khẳng định là tổng đạt đã được thực hiện hợp lệ theo đúng quy trình của nước được yêu cầu. Do đó, việc thực hiện tổng đạt giấy tờ thông qua kênh tổng đạt của Công ước Tổng đạt sẽ đáp ứng yêu cầu của Tòa án Việt Nam về tính hợp lệ đối với kết quả tổng đạt giấy tờ.

- Khi gia nhập Công ước, chi phí trả cho yêu cầu tổng đạt sẽ giảm thiểu do Công ước quy định việc thực hiện tổng đạt là miễn phí và chỉ phải trả một số chi phí nhất định. Một số nước như Vương quốc Anh, Tây Ban Nha, Thụy Sĩ, Thụy Điển, Đức, Ấn Độ không thực hiện thu phí với yêu cầu tổng đạt giấy tờ của các nước thành viên của Công ước. Một số nước có thu phí thì mức phí cũng được quy định cụ thể và rõ ràng, minh bạch để đảm bảo thực hiện tổng đạt. Ví dụ như Hoa Kỳ quy định rõ chi phí tổng đạt giấy tờ là 95 đô la Mỹ hay Ca-na-đa là 100 đô la Ca-na-đa.

Trong bối cảnh Việt Nam đang tiến hành cải cách tư pháp và cải cách pháp luật, việc gia nhập Công ước Tổng đạt sẽ góp phần giúp Việt Nam hoàn thiện hệ thống thể chế liên quan đến tư pháp quốc tế thông qua việc áp dụng những chuẩn mực quốc tế về tương trợ tư pháp, đưa hệ thống pháp luật, quy trình tố tụng của Việt Nam đến gần và phù hợp với hệ thống pháp luật quốc tế. Hòa hợp pháp luật quốc gia với chuẩn mực quốc tế chính là một trong những yếu tố quan trọng để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động giao lưu kinh tế, thương mại và dân sự của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức, qua đó thúc đẩy hội nhập quốc tế của đất nước.

10. Một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi gia nhập Công ước Tổng đạt

Khi gia nhập Công ước Tổng đạt, để thực hiện tốt các quy định của Công ước, Việt Nam cần lưu ý một số vấn đề như sau:

Về pháp luật, có thể cần bổ sung một số quy định của pháp luật Việt Nam để tạo thuận lợi cho việc thực hiện Công ước như: cơ chế thu phí, chi phí thực hiện tổng đạt: Công ước cho phép thu một số khoản chi phí phát sinh do thuê cán bộ tư

pháp hoặc người có thẩm quyền theo pháp luật của nước nhận hoặc chi phí khi thực hiện một hình thức tổng đạt cụ thể theo yêu cầu (đoạn 2 Điều 12). Theo thống kê sơ bộ đã có khoảng 30 quốc gia thông tin cho Hội nghị La Hay về việc thu chi phí này, trong đó Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Úc... Hiện nay, Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC giữa Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự đã có quy định cụ thể về cơ chế thu nộp chi phí thực tế phát sinh từ việc thực hiện yêu cầu UTTP của Việt Nam gửi đi nước ngoài và của nước ngoài gửi đến Việt Nam. Mặc dù chi phí nhìn chung cho hoạt động tổng đạt được giảm thiểu nhưng tại một số nước chi phí cho một lần tổng đạt ra nước ngoài tương đối cao vượt quá khả năng chi trả của các đương sự có hoàn cảnh khó khăn trong khi pháp luật quốc gia (Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/08/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tương trợ tư pháp) mới chỉ quy định miễn giảm phí ủy thác tư pháp (nguồn thu thuộc ngân sách nhà nước) mà không phải chi phí thực tế với các nhóm đối tượng này.

Về nhân lực, đội ngũ cán bộ, số lượng đội ngũ cán bộ ở cả Trung ương và địa phương làm công tác UTTP còn hạn chế so với yêu cầu thực tiễn và khối lượng các hoạt động UTTP ngày càng tăng như hiện nay.

Về nhận thức, nhận thức đối với vai trò và tầm quan trọng của tổng đạt giấy tờ chưa được đúng mức tại các cơ quan liên quan. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh là cơ quan có trách nhiệm lập hồ sơ tổng đạt giấy tờ và thực hiện hồ sơ tổng đạt giấy tờ không có đơn vị chuyên trách thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp. Việc thực hiện các hoạt động tổng đạt giấy tờ tại cơ quan này chưa được thực hiện bài bản.

Về kinh phí và cơ sở vật chất, kinh phí và cơ sở vật chất dành cho công tác thực hiện UTTP trong lĩnh vực dân sự nói chung và tổng đạt giấy tờ nói riêng còn eo hẹp, chưa tương xứng với vai trò và nhiệm vụ của công tác này.

Tham gia Công ước Tổng đạt đồng nghĩa với việc tổng đạt thông qua Cơ quan Trung ương (dự kiến là Bộ Tư pháp) được thực hiện với 70 quốc gia thành viên khác trong Công ước. Số lượng hồ sơ và khối lượng công việc sẽ tăng lên gấp nhiều lần ở cả Cơ quan Trung ương và địa phương. Đặc biệt khi hồ sơ gửi qua kênh chính cần phải tuân theo các mẫu và các yêu cầu về ngôn ngữ, hồ sơ theo quy định của Công ước. Vì vậy, cần có sự đầu tư, tăng cường nguồn lực (cơ sở vật chất, cán bộ đủ trình độ về ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Pháp) cho công tác tương trợ tư pháp và đẩy mạnh sự phối hợp giữa Cơ quan Trung ương với các cơ

quan địa phương để đảm bảo thực hiện tốt Công ước Tổng đạt khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên.

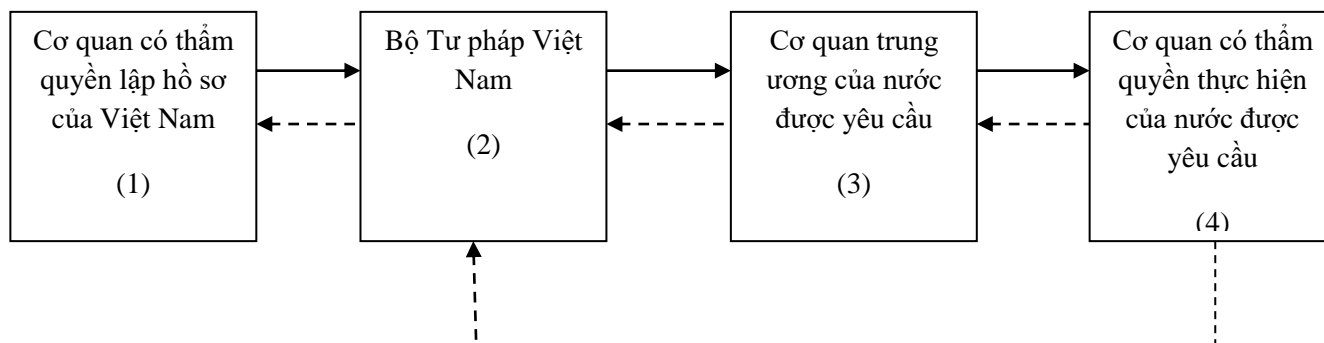
Mặc dù còn có một số khó khăn như trên nhưng những khó khăn này có thể khắc phục được với sự hỗ trợ về kỹ thuật của Hội nghị La Hay, trao đổi thông tin kinh nghiệm với các quốc gia thành viên Công ước, tăng cường cơ chế phối hợp và sự nỗ lực của các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực thi Công ước theo đúng Kế hoạch thực hiện Công ước Tổng đạt của Việt Nam (Kế hoạch thực hiện Công ước tổng đạt).

PHẦN THỨ HAI

HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH THỰC HIỆN CÁC KÊNH TỔNG ĐẠT

1. Kênh chính

1.1. UTTP tổng đạt giấy tờ của Việt Nam ra nước ngoài



Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ tổng đạt của Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;- Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh;- Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định pháp luật <p>Thời hạn gửi hồ sơ: theo quy định về thủ tục tố tụng có liên quan</p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <p>Theo BLTTDS năm 2015:</p> <p>Thông báo về việc thụ lý vụ án phải được gửi cho đương sự trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án (Điều 196)</p> <p>Đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài thì thông báo về việc thụ lý bao gồm cả các thông tin về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao</p>	<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ tổng đạt của Việt Nam</p> <p>Sau khi nhận được kết quả do Bộ Tư pháp chuyển, cơ quan này xử lý theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật thi hành án dân sự và pháp luật khác có liên quan.</p>

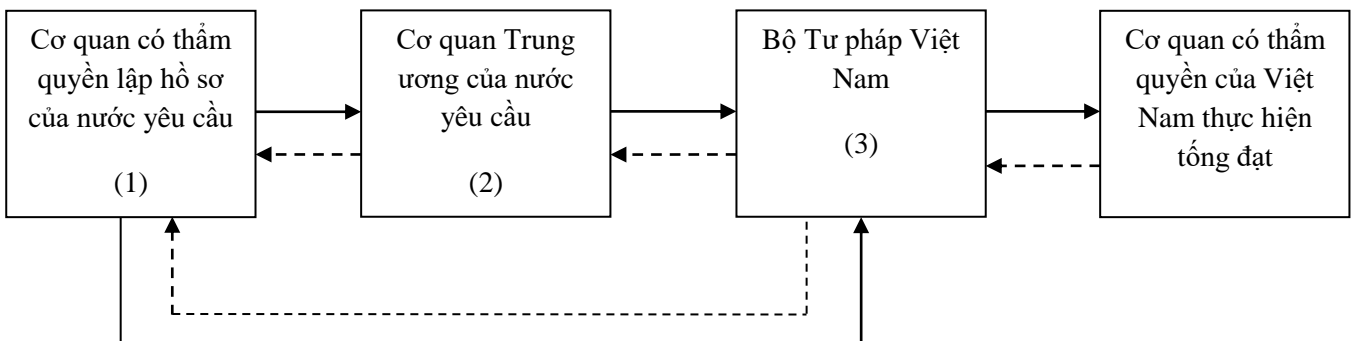
Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở lại phiên họp hòa giải, mở phiên tòa và mở lại phiên tòa trong văn bản thông báo thụ lý vụ án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 476 BLTTDS.</p> <p>Theo Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014):</p> <p>Thông báo về Quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản (Điều 39)</p> <p>Hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 3 bộ hồ sơ (2 bộ gửi đi theo yêu cầu của Công ước và 1 bộ lưu tại Bộ Tư pháp). - Thành phần mỗi bộ hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản yêu cầu ủy thác tư pháp về dân sự gửi Bộ Tư pháp (Mẫu 01 Thông tư 12) (link đến mẫu văn bản và một mẫu đã điền sẵn) (bản chính); + Mẫu yêu cầu và nội dung tóm tắt giấy tờ được tổng đạt (Mẫu 02B Thông tư 12) (link đến mẫu văn bản và một mẫu đã điền sẵn) (bản chính); + Giấy tờ được tổng đạt (bản chính hoặc bản sao) ; <p>Bản sao của các văn bản, giấy tờ, tài liệu này phải được chứng thực hợp lệ theo quy định của pháp luật về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký (Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định này; Việc công chứng bản dịch theo Điều 61 Luật Công chứng năm 2014, Thông tư 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 15/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.)</p> <p>Đối với các giấy tờ không phải của cơ quan có thẩm quyền lập hoặc xác nhận thì cơ quan có thẩm quyền</p>	

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>lập hồ sơ ủy thác tư pháp phải đối chiếu bản sao các giấy tờ này với bản gốc và đóng dấu xác nhận.</p> <p>+ Biên lai thu lệ phí ủy thác tư pháp hoặc phí ủy thác tư pháp, giấy xác nhận đã nộp chi phí hoặc tạm ứng chi phí tổng đạt (mức tạm ứng theo quy định của Thông tư 12 là 3 triệu đồng, chi phí thực tế đối với tổng đạt sẽ xác định trên cơ sở mức phí của các nước có thu phí ủy thác tư pháp – link đến danh mục các nước có thu phí và các chi phí trực tiếp phục vụ việc chuyển tiền ra nước ngoài);</p> <p>- Ngôn ngữ: Mẫu 2B phải điền bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc ngôn ngữ của nước được yêu cầu.</p> <p>Giấy tờ được tổng đạt phải dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước này chấp nhận (link đến danh mục thông tin về ngôn ngữ của các nước).</p> <p>Bản dịch có chữ ký người dịch được chứng thực theo quy định Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và các văn bản hướng dẫn thi hành Nghị định này; được công chứng chữ ký người dịch theo quy định Điều 61 Luật Công chứng năm 2014, Thông tư 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 15/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ không cần hợp pháp hóa lãnh sự; - Trường hợp vụ việc cần ủy thác tư pháp cho nhiều đương sự có địa chỉ khác nhau thì cơ quan có thẩm quyền phải lập riêng hồ sơ ủy thác tư pháp cho từng đương sự. - Đối với hồ sơ gửi đến một đương sự tại một nước thành viên Công ước tổng đạt mà vụ việc vừa có yêu cầu về tổng đạt vừa có yêu cầu về thu thập chứng cứ thì cần lập riêng 2 bộ hồ sơ (mỗi bộ 3 bản): một bộ có nội dung yêu cầu về tổng đạt lập theo Mẫu 2B Thông 	

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>tư 12, một bộ có nội dung yêu cầu về thu thập chứng cứ lập theo Mẫu 2A Thông tư 12.</p>	
<p>(2) Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi đến</p> <p>Công việc thực hiện: Vào sổ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: chuyển cho Cơ quan Trung ương của nước được yêu cầu. - Hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ: Trả lại cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP của Việt Nam. 	<p>(2) Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả</p> <p>Công việc thực hiện: Chuyển kết quả (kèm theo các giấy tờ tài liệu do cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước ngoài gửi) cho cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP của Việt Nam</p>
<p>(3) Cơ quan Trung ương của nước được yêu cầu</p> <p>Danh sách: link</p> <p>Kiểm tra hồ sơ và chuyển cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu.</p> <p>Trường hợp Cơ quan Trung ương của nước được yêu cầu thông báo cho Bộ Tư pháp Việt Nam về việc từ chối thực hiện hoặc đề nghị bổ sung, làm rõ hồ sơ thì Bộ Tư pháp sẽ thông báo lại cho Cơ quan có thẩm quyền lập trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của phía nước ngoài.</p>	<p>(3) Cơ quan Trung ương của nước được yêu cầu</p> <p>Có thể gửi qua cơ quan này hoặc không, tùy theo pháp luật của nước được yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp gửi qua Cơ quan Trung ương thì cơ quan này sẽ gửi kết quả cho Bộ Tư pháp Việt Nam hoặc - Trường hợp không gửi qua cơ quan này thì kết quả sẽ được gửi từ cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu cho Bộ Tư pháp Việt Nam.
<p>(4) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu</p> <p>Thực hiện tổng đạt giấy tờ theo một trong các phương thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức được quy định trong pháp luật của nước được yêu cầu dành cho tổng đạt các giấy tờ trong các vụ việc trong nước; 	<p>(4) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu</p> <p>Công việc thực hiện: thực hiện tổng đạt giấy tờ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ tổng đạt của Việt Nam và gửi trả kết quả. Hồ sơ trả kết quả gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy xác nhận kết quả tổng đạt

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<ul style="list-style-type: none"> - Phương thức đặc biệt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam; - Phương thức chuyển giao đơn giản cho người được tổng đạt nếu người này chấp nhận tự nguyện. 	<p>theo Mẫu của Công ước bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc ngôn ngữ của nước được yêu cầu (Mẫu 02B Thông tư 12);</p> <p>+ Giấy tờ khác kèm theo để chứng minh việc tổng đạt đã được thực hiện;</p> <p>+ Một bộ hồ sơ mà cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam lập yêu cầu đã gửi;</p> <p>+ Thông tin về việc thu phí thực hiện tổng đạt của phía nước ngoài (nếu có).</p>

1.2. UTTP tổng đạt giấy tờ của nước ngoài vào Việt Nam



Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của nước yêu cầu</p> <p>Danh mục được cung cấp trên trang thông tin của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế: link</p> <p>Hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 2 bộ - Thành phần mỗi bộ hồ sơ: <p>+ Mẫu số 02B Thông tư 12: điền bằng tiếng</p>	<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của nước yêu cầu</p> <p>Tiếp nhận kết quả</p>

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Việt.</p> <p>+ Giấy tờ cần được tổng đạt: bản chính hoặc bản sao, trường hợp giấy tờ là bản sao đề nghị phía nước ngoài có dấu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (dấu giáp lai hoặc dấu xác nhận bản sao đúng với bản chính).</p> <p>Giấy tờ phải được dịch ra tiếng Việt có chứng thực chữ ký người dịch tại cơ quan có thẩm quyền chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật nước gửi.</p> <p>Lưu ý:</p> <p>Hồ sơ không cần hợp pháp hóa lãnh sự</p>	
<p>(2) Cơ quan Trung ương của nước yêu cầu</p> <p>Việc gửi hồ sơ có thể được Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ gửi thông qua Cơ quan Trung ương của nước yêu cầu hoặc không thông qua cơ quan này, tùy thuộc vào pháp luật của nước yêu cầu.</p>	<p>(2) Cơ quan Trung ương của nước yêu cầu</p> <p>Cơ quan này tiếp nhận hồ sơ của Bộ Tư pháp chuyển cho cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu theo trình tự, thủ tục do pháp luật nước yêu cầu quy định</p>
<p>(3) Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Bộ Tư pháp - Cơ quan Trung ương được chỉ định của Việt Nam - tiếp nhận hồ sơ yêu cầu tổng đạt của nước ngoài.</p> <p>Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của phía nước ngoài</p> <p>Công việc thực hiện: Vào sổ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: chuyển cơ quan có thẩm quyền thực hiện của Việt Nam (chuyển 01 bộ và giữ lại 01 bộ để gửi lại cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài khi trả kết quả). - Hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ: trả lại Cơ quan Trung ương hoặc Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. <p>Xem xét các trường hợp từ chối tổng đạt theo</p>	<p>(3) Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả từ cơ quan có thẩm quyền thực hiện của Việt Nam</p> <p>Điền vào Giấy xác nhận kết quả theo Mẫu 2B Thông tư 12 trên cơ sở Mẫu số 03 Thông tư và gửi kèm 01 bộ mà Cơ quan có thẩm quyền của nước yêu cầu đã gửi.</p> <p>Chuyển kết quả cho cơ quan của phía nước ngoài đã gửi hồ sơ (Cơ quan trung ương của nước yêu cầu hoặc cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của nước yêu cầu)</p>

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>quy định tại Điều 4 và Điều 13 Công ước Tổng đạt.</p>	
<p>(4) Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện tổng đạt giấy tờ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tòa án nhân dân cấp tỉnh; - Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh (nếu tổng đạt giấy tờ liên quan đến thi hành án dân sự); - Thừa phát lại. <p>Phương thức thực hiện:</p> <p>+ Thực hiện theo các phương thức tổng đạt được áp dụng với các vụ việc trong nước quy định tại các khoản từ 1 đến 4 Điều 173 BLTTDS 2015 (lưu ý thông tin cho Hội nghị La Hay và tổ chức thực thi việc Việt Nam chấp nhận phương thức tổng đạt qua phương tiện thông tin điện tử theo yêu cầu của đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác phù hợp với pháp luật về giao dịch điện tử tại khoản 2 Điều 173).</p> <p><u>Cấp, tổng đạt thông báo trực tiếp:</u> trực tiếp chuyển giao cho người được tổng đạt, người được tổng đạt phải ký nhận vào biên bản hoặc sổ giao nhận văn bản tố tụng. Trường hợp người được tổng đạt là cơ quan tổ chức thì giấy tờ phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức đó và những người này phải ký nhận. Trường hợp cơ quan, tổ chức được tổng đạt có người đại diện tham gia tố tụng hoặc người đại diện nhận văn bản tố tụng thì những người này ký nhận văn bản tố tụng.</p> <p><u>Trường hợp người được tổng đạt từ chối nhận văn bản tố tụng</u> thì người thực hiện tổng đạt lập biên bản nêu rõ lý do của việc từ chối, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an cấp xã về việc người đó từ chối nhận văn bản</p>	<p>(4) Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện tổng đạt giấy tờ</p> <p>Gửi trả kết quả gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mẫu số 03 Thông tư: thông báo kết quả ủy thác tư pháp của nước ngoài. + Văn bản chứng minh giấy tờ đã được tổng đạt hoặc tổng đạt không thành công (VD: xác nhận của bưu điện hoặc văn bản của thừa phát lại về việc người nhận đã nhận được giấy tờ) <p>Lưu ý: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn mà cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài yêu cầu thực hiện mà chưa thực hiện được ủy thác tư pháp, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi văn bản cho Bộ Tư pháp về việc chưa có kết quả.</p>

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>tổ tụng.</p> <p><u>Trường hợp người được tổng đạt vắng mặt</u> thì người thực hiện tổng đạt lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn (làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc...) ký nhận và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được tổng đạt.</p> <p><u>Trường hợp người được tổng đạt vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới</u> thì người thực hiện việc tổng đạt lập biên bản về việc không thực hiện được tổng đạt, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc công an cấp xã đồng thời thực hiện niêm yết công khai văn bản tổng đạt.</p> <p><u>Tổng đạt qua dịch vụ bưu chính:</u> được thực hiện bằng thư bảo đảm có xác nhận của người nhận văn bản tổ tụng. Văn bản có xác nhận phải được chuyển lại cho Tòa án.</p> <p><u>Tổng đạt bằng phương tiện điện tử theo yêu cầu của phía nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</u></p> <p>Đối với cơ quan thi hành án dân sự: Thực hiện phương thức được quy định trong pháp luật thi hành án dân sự (Các điều từ 39 đến 43 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 và Điều 12 Nghị định 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự). Về cơ bản các phương thức thông báo theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự và pháp luật tố tụng cũng tương tự như nhau, tuy nhiên có một số nội dung pháp luật tố tụng có quy định rõ hơn ví dụ nếu gửi qua nhân viên bưu điện thì BLTTDS 2015 yêu cầu phải gửi qua thư bảo đảm có xác nhận của người nhận.</p>	

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>Các mẫu biên bản, mẫu xác nhận theo hướng dẫn của TANDTC</p> <p>+ Thực hiện theo phương thức đặc biệt mà cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài yêu cầu (đã nêu rõ trong văn bản yêu cầu).</p> <p>+ Gửi cho người nhận tự nguyện nhận bằng một phương thức tổng đạt không chính thức: như triệu tập đương sự tới trụ sở tòa án để nhận. Chỉ thực hiện theo phương thức này nếu phía nước ngoài yêu cầu thực hiện như vậy.</p> <p>Thời hạn thực hiện:</p> <p>Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp của nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài vào sổ hồ sơ ủy thác tư pháp và thực hiện một trong các công việc sau đây:</p> <p>a) Tiến hành tiếp nhận để thực hiện ủy thác tư pháp trong trường hợp vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết.</p> <p>b) Trả lại hồ sơ cho Bộ Tư pháp trong trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết.</p> <p>c) Trường hợp cần bổ sung thông tin, tài liệu liên quan hoặc việc thực hiện ủy thác làm phát sinh chi phí thực tế, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày xác định được thông tin, tài liệu cần bổ sung hoặc chi phí thực tế phát sinh, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để bổ sung thông tin, tài liệu hoặc nộp chi phí thực tế. Việc gửi thông báo thực hiện tương tự như trình tự, thủ tục thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài.</p> <p>Trường hợp việc thực hiện ủy thác tư pháp làm phát sinh chi phí thực tế, cơ quan có thẩm</p>	

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
quyền của Việt Nam chỉ thực hiện sau khi người có nghĩa vụ nộp đã nộp chi phí thực tế (nếu phải thực hiện theo phương thức đặc biệt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc phải thuê thừa phát lại để thực hiện tổng đạt): mức chi phí, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán...	

1.3 Lưu ý về việc từ chối thực hiện tổng đạt theo yêu cầu

1.3.1. Các trường hợp từ chối tổng đạt được quy định tại Điều 4 và Điều 13 Công ước Tổng đạt:

Từ chối tạm thời theo Điều 4 Công ước: khi nhận được yêu cầu, Cơ quan Trung ương của nước được yêu cầu sẽ rà soát để đảm bảo yêu cầu đáp ứng các điều kiện do Công ước đặt ra. Thông thường việc rà soát giới hạn với yêu cầu theo mẫu và tóm tắt giấy tờ được yêu cầu tổng đạt, trường hợp cần thiết là bản thân giấy tờ được tổng đạt.

Nếu phát hiện sai sót, Cơ quan Trung ương phải thông báo ngay cho cơ quan của nước yêu cầu đã gửi hồ sơ. Theo quy trình tại Mục 1.1 và 1.2 thì đối với hồ sơ của Việt Nam gửi ra nước ngoài, Cơ quan Trung ương của nước ngoài sẽ thông báo cho Bộ Tư pháp Việt Nam và đối với hồ sơ của nước ngoài gửi đến Việt Nam, Bộ Tư pháp Việt Nam sẽ thông báo cho cơ quan trực tiếp gửi cho Bộ Tư pháp Việt Nam. Thông thường, Cơ quan Trung ương của nước được yêu cầu có thể tự xử lý một số trường hợp không tuân thủ về hình thức như thiếu một bản sao giấy tờ hoặc địa chỉ của người nhận không đầy đủ. Trường hợp không khắc phục được, Cơ quan Trung ương của nước được yêu cầu cho người yêu cầu một khoảng thời gian để bổ sung hoặc chỉnh sửa yêu cầu.

Cần lưu ý rằng thời hạn theo pháp luật tố tụng của nước yêu cầu được nêu trong giấy tờ (như thời hạn để trình diện theo giấy triệu tập, thời hạn trả lời, thời hạn kháng cáo...) đã hết không phải là căn cứ để từ chối thực hiện yêu cầu tổng đạt.

Khi nhận được các giấy tờ trong trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện tổng đạt giấy tờ phải thông báo lại cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài khi nhận được giấy tờ như trường hợp hết thời hạn thực hiện yêu cầu tổng đạt theo quy định của Thông tư 12.

Trường hợp từ chối cuối cùng theo Điều 13 Công ước, mặc dù yêu cầu tổng đạt đã đáp ứng các điều kiện của Công ước, nước được yêu cầu vẫn có thể từ

chối tổng đạt nếu họ thấy rằng việc thực hiện yêu cầu tổng đạt vi phạm chủ quyền hoặc an ninh quốc gia. Tuy nhiên, việc từ chối thực hiện yêu cầu tổng đạt vì lý do vi phạm chủ quyền hoặc an ninh rất hiếm xảy ra. Cần lưu ý rằng “chủ quyền và an ninh quốc gia” không phải trật tự công trong nội luật quốc gia. Đây là những trường hợp ngoại lệ rất hạn chế. Trong trường hợp từ chối tổng đạt, Cơ quan Trung ương cần phải thông báo ngay cho người yêu cầu về việc từ chối và lý do từ chối thực hiện.

1.3.2. Các trường hợp không được phép từ chối tổng đạt

Công ước không cho phép từ chối thực hiện yêu cầu tổng đạt do vấn đề về thẩm quyền của tòa án nước ngoài (theo pháp luật của quốc gia được yêu cầu: vụ việc liên quan đến yêu cầu tổng đạt thuộc thẩm quyền riêng biệt của quốc gia được yêu cầu hoặc pháp luật của quốc gia được yêu cầu không cho phép vụ việc đó được tiến hành). Vấn đề về thẩm quyền của tòa án nước ngoài sẽ được giải quyết ở trước tòa án mà không phải trong bối cảnh của tổng đạt giấy tờ. Quy định này để tránh trường hợp các nước có liên quan đều quy định thẩm quyền riêng biệt quá rộng và từ chối thực hiện tổng đạt để hỗ trợ giải quyết các vụ việc dân sự ở quốc gia khác, dẫn đến hậu quả không tòa án nào giải quyết được vụ việc, cản trở quyền tiếp cận công lý của các bên.

Các trường hợp khác không thể được coi là căn cứ từ chối thực hiện tổng đạt gồm:

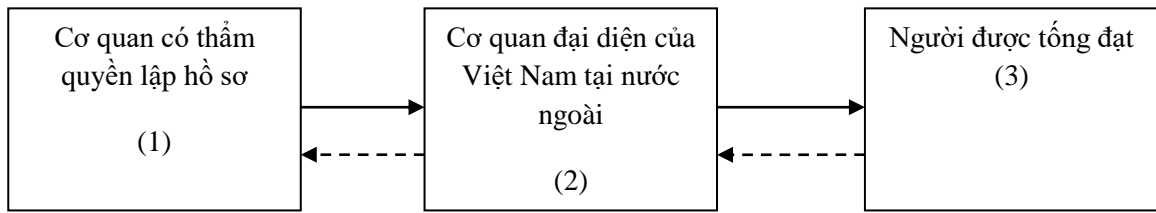
- khả năng yêu cầu tổng đạt dẫn đến một phán quyết có thể không được công nhận tại quốc gia được yêu cầu, kể cả lý do không công nhận là vì trật tự công của quốc gia đó;
- thời hạn trả lời của bị đơn với yêu cầu khởi kiện theo quan điểm của cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu là quá ngắn;
- yêu cầu khởi kiện trái với trật tự công của nước được yêu cầu; đánh giá yêu cầu không thuộc phạm vi các vấn đề về dân sự hoặc thương mại không dựa trên bản chất của vụ việc mà chỉ dựa trên cơ quan yêu cầu...

2. Các kênh thay thế

2.1. Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp (Điều 8 Công ước)

Kênh này không thuộc phạm vi tương trợ tư pháp theo khái niệm của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 vì cơ quan có thẩm quyền của quốc gia gửi không đề nghị cơ quan có thẩm quyền của quốc gia nhận thực hiện việc tổng đạt mà tổng đạt do cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự của quốc gia gửi tự thực hiện. Do đó việc thực hiện kênh này theo quy định của Thông tư A.

2.1.1. Tổng đạt giấy tờ của Việt Nam ra nước ngoài

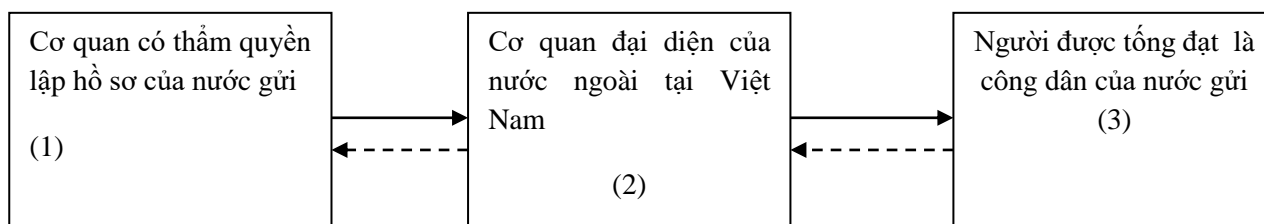


Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; - Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh; - Cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định pháp luật. <p>Thời hạn gửi hồ sơ: theo quy định về thủ tục tố tụng có liên quan</p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <p>Theo BLTTDS năm 2015:</p> <p>Thông báo về việc thụ lý vụ án phải được gửi cho đương sự trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án (Điều 196)</p> <p>Đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài thì thông báo về việc thụ lý bao gồm cả các thông tin về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở lại phiên họp hòa giải, mở phiên tòa và mở lại phiên tòa trong văn bản thông báo thụ lý vụ án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 476 BLTTDS.</p> <p>Theo Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014):</p> <p>Thông báo về Quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc,</p>	<p>Trình tự thủ tục, thời hạn, hồ sơ trả kết quả theo Thông tư A</p>

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>kể từ ngày ra văn bản (Điều 39)</p> <p>Hồ sơ: Tổng đạt theo kênh này không thuộc phạm vi ủy thác tư pháp nên hồ sơ và trình tự thủ tục thực hiện theo Thông tư A và điểm d khoản 1 Điều 474 BLTTDS 2015</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 2 bộ - Thành phần: Hồ sơ không cần hợp pháp hóa lãnh sự + Văn bản yêu cầu (theo Thông tư A) + Giấy tờ được tổng đạt (bản chính hoặc bản sao) <p>Bản sao và bản dịch của các văn bản, giấy tờ, tài liệu này phải được chứng thực hợp lệ theo quy định của pháp luật về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.(Nghị định 23/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành, Việc công chứng bản dịch theo Điều 61 Luật Công chứng năm 2014, Thông tư 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 15/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.)</p> <p>Đối với các giấy tờ không phải của cơ quan có thẩm quyền lập hoặc xác nhận thì cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ ủy thác tư pháp phải đối chiếu bản sao các giấy tờ này với bản gốc và đóng dấu xác nhận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ: <p>Hồ sơ gửi cho công dân Việt Nam bằng tiếng Việt</p> <p>Hồ sơ gửi cho công dân của nước ngoài (nước nhận) hoặc công dân của nước thứ ba nếu pháp luật nước ngoài đó cho phép, trường hợp này giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ có thể phải có bản dịch sang ngôn ngữ của nước ngoài đó hoặc ngôn ngữ mà người nhận có thể hiểu được.</p> <p>Lưu ý:</p> <p>Trường hợp vụ việc cần tổng đạt cho nhiều đương sự có nội dung khác nhau (VD: vừa tổng đạt giấy tờ, vừa thu thập chứng cứ) hoặc có địa chỉ khác nhau thì cơ quan có thẩm quyền phải lập riêng hồ sơ cho từng đương sự và từng nội dung.</p>	

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>Điều 475 BLTTDS năm 2015 không quy định thu thập chứng cứ bằng kênh này nên kênh này chỉ áp dụng đối với tổng đạt giấy tờ.</p> <p>Thời hạn: theo Thông tư A</p> <p>Phương thức gửi: Gửi trực tiếp qua đường bưu điện đến cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài.</p>	
<p>(2) Cơ quan đại diện của nước ngoài tại Việt Nam: cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự</p>	
<p>(3) Người được tổng đạt là</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công dân Việt Nam; - Công dân của nước ngoài (nước nhận) hoặc công dân của nước thứ ba nếu pháp luật nước ngoài đó cho phép. 	

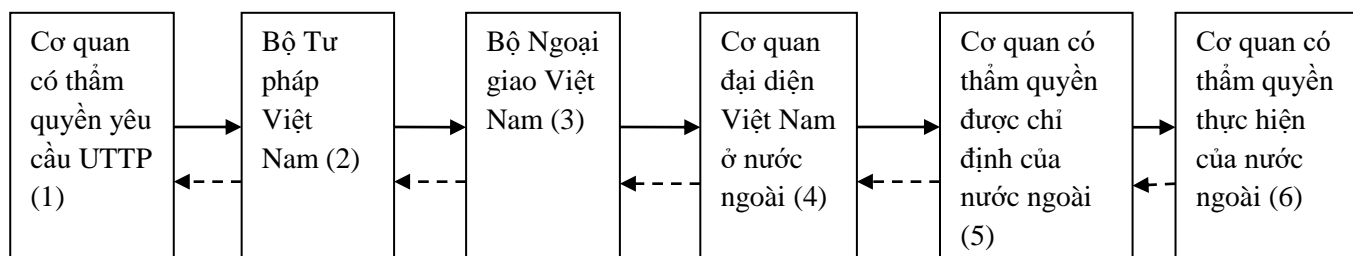
2.1.2. Tổng đạt giấy tờ của nước ngoài vào Việt Nam



Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của nước gửi</p> <p>Xác định theo pháp luật của nước gửi. (link)</p> <p>Hồ sơ: theo pháp luật của nước gửi</p> <p>Giấy tờ không cần dịch sang tiếng Việt.</p> <p>Thời hạn: theo pháp luật của nước gửi</p> <p>Việc gửi từ cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ thông qua các cơ quan trung gian như Bộ Ngoại giao hay Bộ Tư pháp của nước gửi trước khi đến cơ quan đại diện của nước gửi tại Việt Nam phụ thuộc vào pháp luật của nước gửi.</p>	<p>Trình tự thủ tục trả kết quả theo pháp luật của nước gửi.</p>
<p>(2) Cơ quan đại diện của nước ngoài tại Việt Nam: cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự.</p>	
<p>(3) Người được tổng đạt là công dân của nước gửi.</p>	

2.2 Kênh lãnh sự gián tiếp (đoạn 1 Điều 9 Công ước)

2.2.1. Ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ của Việt Nam ra nước ngoài

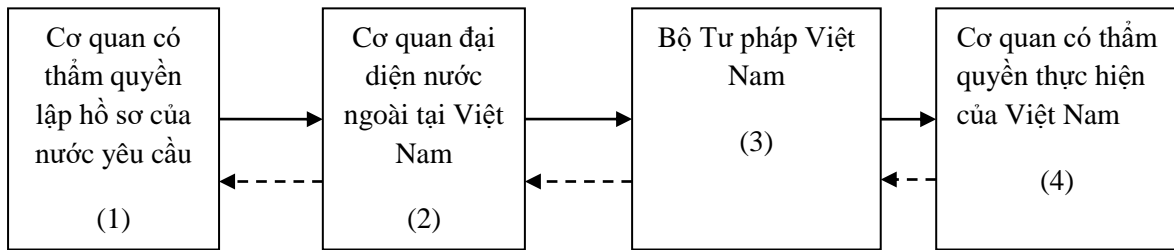


Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP của Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; - Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh - Cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định pháp luật <p>Thời hạn gửi hồ sơ: theo quy định về thủ tục tố tụng có liên quan</p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <p>Theo BLTTDS năm 2015:</p> <p>Thông báo về việc thụ lý vụ án phải được gửi cho đương sự trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án (Điều 196)</p> <p>Đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài thì thông báo về việc thụ lý bao gồm cả các thông tin về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở lại phiên họp hòa giải, mở phiên tòa và mở lại phiên tòa trong văn bản thông báo thụ lý vụ án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại Điều 476 BLTTDS.</p> <p>Theo Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014):</p> <p>Thông báo về Quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án phải được thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản (Điều 39)</p> <p>Hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 3 bộ hồ sơ - Thành phần mỗi bộ hồ sơ: <p>+ Mẫu số 01 Thông tư 12;</p>	<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP của Việt Nam</p> <p>Xử lý theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật thi hành án dân sự và pháp luật khác có liên quan</p>

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>+ Mẫu số 02A Thông tư 12: cần xác định rõ căn cứ yêu cầu là đoạn 1 Điều 9 Công ước Tổng đạt;</p> <p>+ Giấy tờ được tổng đạt (bản chính hoặc bản sao)</p> <p>Bản sao và bản dịch của các văn bản, giấy tờ, tài liệu này phải được chứng thực hợp lệ theo quy định của pháp luật về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. (Nghị định 23/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn; Việc công chứng bản dịch theo Điều 61 Luật Công chứng năm 2014, Thông tư 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 15/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.)</p> <p>Đối với các giấy tờ không phải của cơ quan có thẩm quyền lập hoặc xác nhận thì cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ ủy thác tư pháp phải đối chiếu bản sao các giấy tờ này với bản gốc và đóng dấu xác nhận.</p> <p>+ Biên lai thu lệ phí ủy thác tư pháp hoặc phí ủy thác tư pháp, giấy xác nhận đã nộp tạm ứng chi phí tổng đạt (mức tạm ứng theo quy định của Thông tư 12 là 3 triệu đồng, chi phí thực tế đối với tổng đạt sẽ xác định trên cơ sở mức phí của các nước có thu phí ủy thác tư pháp – link đến danh mục các nước có thu phí và các chi phí trực tiếp phục vụ việc chuyển tiền ra nước ngoài).</p> <p>- Ngôn ngữ: Mẫu 2A và Giấy tờ được tổng đạt phải dịch sang ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước này chấp nhận (link đến danh mục thông tin về ngôn ngữ của các nước).</p> <p>Lưu ý:</p> <p>- Hồ sơ không cần hợp pháp hóa lãnh sự</p> <p>- Trường hợp vụ việc cần ủy thác tư pháp cho nhiều đương sự có nội dung ủy thác khác nhau (VD: vừa tổng đạt giấy tờ, vừa thu thập chứng cứ) hoặc có địa chỉ khác nhau thì cơ quan có thẩm quyền phải lập riêng hồ sơ ủy thác tư pháp cho từng đương sự và từng nội dung ủy thác.</p>	
<p>(2) Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận</p>	<p>(2) Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm</p>

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>được hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi đến.</p> <p>Công việc thực hiện: Vào sổ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: chuyển cho Bộ Ngoại giao Việt Nam - Hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ: Trả lại cơ quan có yêu cầu UTTP của Việt Nam 	<p>việc kể từ khi nhận được kết quả tổng đạt của Bộ Ngoại giao Việt Nam</p> <p>Chuyển kết quả cho cơ quan có yêu cầu UTTP của Việt Nam</p>
<p>(3) Bộ Ngoại giao Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ do Bộ Tư pháp chuyển đến.</p> <p>Chuyển hồ sơ cho cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.</p>	<p>(3) Bộ Ngoại giao Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả tổng đạt của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.</p> <p>Chuyển kết quả cho Bộ Tư pháp.</p>
<p>(4) Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài</p> <p>Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ do Bộ Ngoại giao chuyển đến.</p> <p>Chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền được chỉ định của nước ngoài.</p>	<p>(4) Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài</p> <p>Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả tổng đạt của phía nước ngoài.</p> <p>Chuyển kết quả cho Bộ Ngoại giao.</p>
<p>(5) Cơ quan có thẩm quyền được chỉ định của nước ngoài</p> <p>(link đến Danh mục các cơ quan có thẩm quyền được chỉ định theo Điều 9 Công ước)</p> <p>Thời hạn giải quyết: do pháp luật nước ngoài quy định.</p>	<p>(5) Cơ quan có thẩm quyền được chỉ định của nước ngoài</p> <p>Trình tự thủ tục trả kết quả theo quy định của pháp luật nước ngoài.</p>
<p>(6) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước ngoài</p> <p>Thời hạn và phương thức thực hiện tổng đạt do pháp luật nước ngoài quy định.</p>	<p>(6) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước ngoài</p> <p>Trình tự thủ tục trả kết quả theo quy định của pháp luật nước ngoài.</p>

2.2.2. Ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ của nước ngoài vào Việt Nam



Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của nước yêu cầu</p> <p>Xác định theo pháp luật của nước yêu cầu (link)</p> <p>Hồ sơ:</p> <p>Số lượng: 2 bộ hồ sơ</p> <p>Thành phần mỗi bộ hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản yêu cầu theo Mẫu số 02A Thông tư 12 hoặc có các nội dung đáp ứng quy định tại Điều 12 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 của Việt Nam + Giấy tờ được tổng đạt (bản chính hoặc bản sao) <p>Bản sao của các giấy tờ được tổng đạt phải được đóng dấu giáp lai hoặc xác nhận bản sao đúng với bản chính. Bản dịch phải có chứng thực chữ ký người dịch theo pháp luật của nước yêu cầu.</p> <p>- Ngôn ngữ: Mẫu 02A và Giấy tờ được tổng đạt phải dịch sang tiếng Việt.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ không cần hợp pháp hóa lãnh sự; - Việc gửi yêu cầu có thông qua cơ quan trung gian là Bộ Tư pháp hay Bộ Ngoại giao của nước yêu cầu hay không phụ thuộc vào pháp luật của nước yêu cầu. 	<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của nước yêu cầu</p> <p>Giải quyết theo pháp luật của nước yêu cầu.</p>
<p>(2) Cơ quan đại diện lãnh sự của nước ngoài tại Việt Nam</p>	<p>(2) Cơ quan đại diện lãnh sự của nước ngoài tại Việt Nam</p>

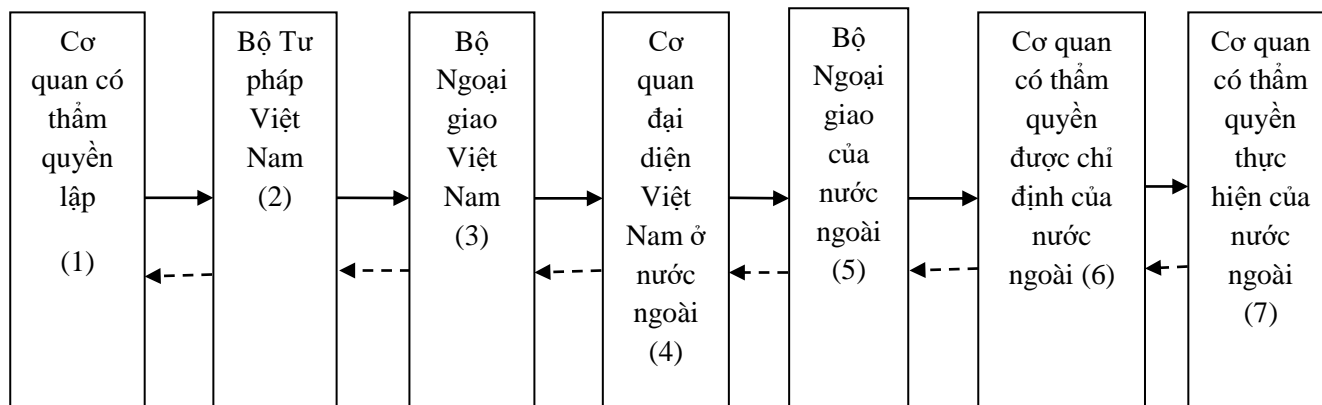
Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>Trình tự thủ tục và thời hạn gửi theo pháp luật của nước yêu cầu.</p>	<p>Giải quyết theo pháp luật của nước yêu cầu.</p>
<p>(3) Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Bộ Tư pháp Việt Nam - cơ quan được chỉ định để tiếp nhận giấy tờ của nước ngoài gửi đến Việt Nam theo kênh này.</p> <p>Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>Công việc thực hiện : Vào sổ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: chuyển cơ quan có thẩm quyền thực hiện của Việt Nam (giữ lại 1 bộ hồ sơ để gửi kèm khi trả kết quả). - Hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ: trả lại hồ sơ <p>Xem xét trường hợp từ chối tổng đạt do yêu cầu không thuộc phạm vi của Điều 1 Công ước hoặc trường hợp từ chối căn cứ Điều 13 Công ước</p>	<p>(3) Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả từ cơ quan có thẩm quyền thực hiện của Việt Nam</p> <p>Trả lời bằng Công hàm</p> <p>Chuyên kết quả cho cơ quan đại diện lãnh sự của nước ngoài đã gửi hồ sơ kèm theo Một bộ hồ sơ mà phía nước ngoài gửi</p>
<p>(4) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện của Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tòa án nhân dân cấp tỉnh; - Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh (nếu tổng đạt giấy tờ liên quan đến thi hành án dân sự); - Thừa phát lại. <p>Phương thức thực hiện:</p> <p>Thực hiện theo các phương thức tổng đạt được áp dụng với các vụ việc trong nước quy định tại các khoản từ 1 đến 4 Điều 173 BLTTDS 2015</p> <p>Đối với cơ quan thi hành án dân sự: thực hiện phương thức được quy định trong pháp luật thi hành án dân sự (Các điều từ 39 đến 43 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 và Điều 12 Nghị định 62/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của</p>	<p>(4) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện tổng đạt giấy tờ của Việt Nam</p> <p>Gửi trả kết quả gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mẫu số 03 Thông tư 12 : thông báo kết quả ủy thác tư pháp của nước ngoài + Văn bản chứng minh giấy tờ đã được tổng đạt (VD: xác nhận của bưu điện hoặc văn bản của thừa phát lại về việc người nhận đã nhận được giấy tờ). <p>Lưu ý: Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn mà cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài yêu cầu thực hiện mà chưa thực hiện được ủy thác tư pháp, cơ</p>

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>Luật Thi hành án dân sự).</p> <p>Thời hạn thực hiện:</p> <p>Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp của nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài vào sổ hồ sơ ủy thác tư pháp và thực hiện một trong các công việc sau đây:</p> <p>a) Tiến hành tiếp nhận để thực hiện ủy thác tư pháp trong trường hợp vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết.</p> <p>b) Trả lại hồ sơ cho Bộ Tư pháp trong trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết.</p> <p>c). Trường hợp cần bổ sung thông tin, tài liệu liên quan hoặc việc thực hiện ủy thác làm phát sinh chi phí thực tế, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày xác định được thông tin, tài liệu cần bổ sung hoặc chi phí thực tế phát sinh, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để bổ sung thông tin, tài liệu hoặc nộp chi phí thực tế. Việc gửi thông báo thực hiện tương tự như trình tự, thủ tục thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài.</p> <p>Kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam áp dụng ngay một trong các phương thức nêu trên để thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài. Trường hợp việc thực hiện ủy thác tư pháp làm phát sinh chi phí thực tế, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chỉ thực hiện sau khi người có nghĩa vụ nộp đã nộp chi phí thực tế.</p> <p>+ Thông báo về việc nộp chi phí phát sinh (nếu phải thực hiện theo phương thức đặc biệt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc phải thuê thừa phát lại để thực hiện tổng đạt): mức chi phí, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán...</p>	<p>quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi văn bản cho Bộ Tư pháp về việc chưa có kết quả.</p>

2.3 Kênh ngoại giao gián tiếp(đoạn 2 Điều 9 Công ước)

Lưu ý: Kênh này tương tự như cách thức tổng đạt trong trường hợp chưa có điều ước quốc tế đang áp dụng hiện nay nên các nước hầu như chỉ sử dụng kênh này trong những trường hợp rất đặc biệt, thường gửi cho đương sự là nhà nước.

2.3.1. Ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ của Việt Nam ra nước ngoài



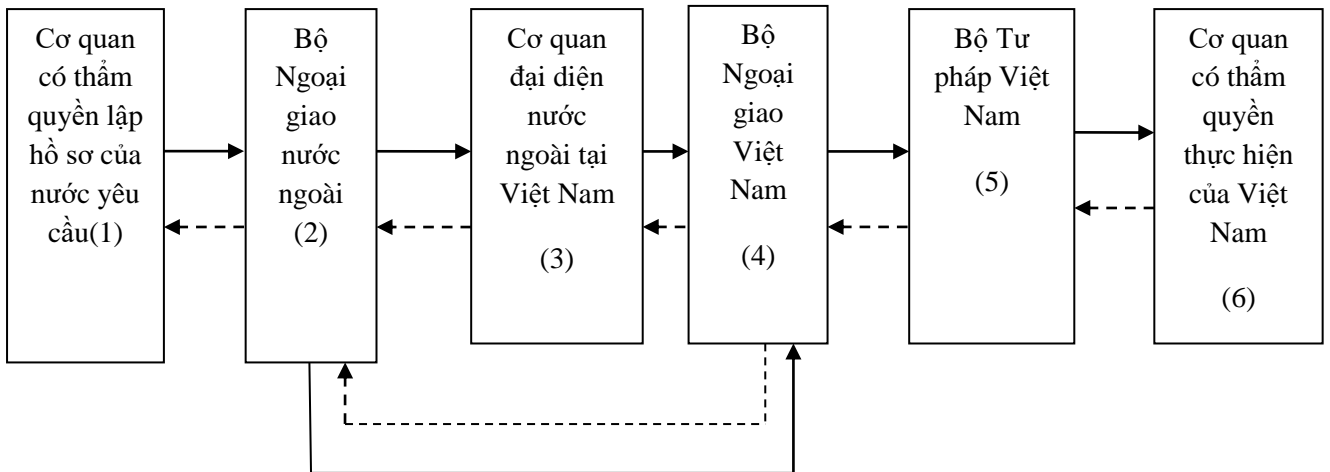
Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam lập hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; - Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh; - Cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định pháp luật. <p>Thời hạn gửi hồ sơ: theo quy định về thủ tục tố tụng có liên quan.</p> <p>Hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng: 3 bộ hồ sơ - Thành phần mỗi bộ hồ sơ: <p>+ Mẫu số 01 Thông tư 12</p>	<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam lập hồ sơ</p> <p>Xử lý theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật thi hành án dân sự và pháp luật khác có liên quan.</p>

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>+ Mẫu số 02A Thông tư 12: cần xác định rõ căn cứ yêu cầu là đoạn 2 Điều 9 Công ước Tổng đạt</p> <p>+ Giấy tờ được tổng đạt (bản chính hoặc bản sao)</p> <p>Bản sao và bản dịch của các văn bản, giấy tờ, tài liệu này phải được chứng thực hợp lệ theo quy định của pháp luật về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.(Nghị định 23/2015/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc công chứng bản dịch theo Điều 61 Luật Công chứng năm 2014, Thông tư 06/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 15/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.)</p> <p>Đối với các giấy tờ không phải của cơ quan có thẩm quyền lập hoặc xác nhận thì cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ ủy thác tư pháp phải đối chiếu bản sao các giấy tờ này với bản gốc và đóng dấu xác nhận.</p> <p>+ Biên lai thu lệ phí ủy thác tư pháp hoặc phí ủy thác tư pháp, giấy xác nhận đã nộp tạm ứng chi phí tổng đạt (Mức tạm ứng theo Thông tư 12 là 3 triệu đồng. Chi phí xác định trên cơ sở mức phí của các nước có thu phí ủy thác tư pháp – mức phí theo kênh này có thể được xác định tùy từng trường hợp- link đến danh mục các nước có thu phí)</p> <p>- Ngôn ngữ: Mẫu 02A và Giấy tờ được tổng đạt phải dịch sang ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước này chấp nhận (link đến danh mục thông tin về ngôn ngữ của các nước)</p> <p>Lưu ý:</p> <p>- Hồ sơ không cần hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>-Trường hợp vụ việc cần ủy thác tư pháp cho nhiều đương sự có nội dung ủy thác khác nhau (VD: vừa tổng đạt giấy tờ, vừa thu thập chứng cứ) hoặc có địa chỉ khác nhau thì cơ quan có thẩm</p>	

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
quyền phải lập riêng hồ sơ ủy thác tư pháp cho từng đương sự và từng nội dung ủy thác.	
<p>(2) Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi đến.</p> <p>Công việc thực hiện: Vào sổ và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: chuyển cho Bộ Ngoại giao Việt Nam. - Hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ: Trả lại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. 	<p>(2) Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả tổng đạt của Bộ Ngoại giao Việt Nam.</p> <p>Chuyển kết quả cho cơ quan có thẩm quyền lập.</p>
<p>(3) Bộ Ngoại giao Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ do Bộ Tư pháp chuyển đến.</p> <p>Chuyển hồ sơ cho cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.</p>	<p>(3) Bộ Ngoại giao Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả tổng đạt của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài</p> <p>Chuyển kết quả cho Bộ Tư pháp.</p>
<p>(4) Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài</p> <p>Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ do Bộ Ngoại giao chuyển đến.</p> <p>Chuyển hồ sơ cho Bộ Ngoại giao của nước ngoài.</p>	<p>(4) Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài</p> <p>Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả tổng đạt của phía nước ngoài.</p> <p>Chuyển kết quả cho Bộ Ngoại giao.</p>
<p>(5) Bộ Ngoại giao của nước ngoài</p> <p>Chuyển hồ sơ theo quy định của pháp luật nước ngoài</p>	<p>(5) Bộ Ngoại giao của nước ngoài</p> <p>Trình tự thủ tục trả kết quả theo quy định của pháp luật nước ngoài</p>
<p>(6) Cơ quan có thẩm quyền được chỉ định của nước ngoài</p> <p>(link đến Danh mục các cơ quan có thẩm quyền được chỉ định theo Điều 9 Công ước)</p> <p>Thời hạn giải quyết: do pháp luật nước ngoài quy</p>	<p>(6) Cơ quan có thẩm quyền được chỉ định của nước ngoài</p> <p>Trình tự thủ tục trả kết quả theo quy định của pháp luật nước ngoài (có thể trả kết quả qua cơ quan này hoặc không).</p>

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
định. Lưu ý: Trong một số trường hợp cơ quan được chỉ định chính là Bộ Ngoại giao của nước ngoài.	
(7) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước ngoài Thời hạn và phương thức thực hiện tổng đạt do pháp luật nước ngoài quy định	(7) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước ngoài Trình tự thủ tục trả kết quả theo quy định của pháp luật nước ngoài

2.3.2. Ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ của nước ngoài vào Việt Nam



Gửi hồ sơ	Trả kết quả
(1) Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của nước yêu cầu Xác định theo pháp luật của nước yêu cầu (link) Hồ sơ: Số lượng: 2 bộ Thành phần: + Mẫu số 02A Thông tư 12: cần xác định rõ căn cứ yêu cầu là đoạn 2 Điều 9 Công ước Tổng đạt. Trường hợp yêu cầu không lập theo mẫu số 02A thì phải có đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 12 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007	(1) Cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ của nước yêu cầu Giải quyết theo quy định pháp luật nước ngoài

<p>+ Giấy tờ được tổng đạt (bản chính hoặc bản sao)</p> <p>Bản sao phải có dấu giáp lai của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc có xác nhận là bản sao đúng với bản chính. Bản dịch giấy tờ phải có xác nhận chữ ký người dịch theo pháp luật của nước yêu cầu.</p> <p>- Ngôn ngữ: Mẫu 2A và Giấy tờ được tổng đạt phải dịch sang tiếng Việt</p> <p>Lưu ý:</p> <p>- Hồ sơ không phải hợp pháp hóa lãnh sự</p> <p>- Việc gửi yêu cầu có thông qua cơ quan trung gian là Bộ Tư pháp của nước yêu cầu hay không phụ thuộc vào pháp luật của nước yêu cầu</p>	
<p>(2) Bộ Ngoại giao của nước yêu cầu</p> <p>Trình tự, thủ tục gửi theo quy định của pháp luật nước yêu cầu</p> <p>Có thể gửi trực tiếp từ Bộ Ngoại giao của nước ngoài sang Bộ Ngoại giao của Việt Nam.</p>	<p>(2) Bộ Ngoại giao của nước yêu cầu</p> <p>Thủ tục trả kết quả theo quy định của pháp luật nước ngoài</p>
<p>(3) Cơ quan đại diện của nước yêu cầu tại Việt Nam</p> <p>Trình tự thủ tục và thời hạn gửi theo pháp luật của nước yêu cầu</p>	<p>(3) Cơ quan đại diện ngoại giao của nước yêu cầu tại Việt Nam</p> <p>Thủ tục trả kết quả theo quy định của pháp luật nước ngoài</p>
<p>(4) Bộ Ngoại giao Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam hoặc Bộ Ngoại giao nước ngoài</p> <p>Chuyển hồ sơ cho Bộ Tư pháp Việt Nam</p>	<p>(4) Bộ Ngoại giao Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả từ Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Chuyển kết quả cho cơ quan của phía nước ngoài đã gửi hồ sơ cho Bộ Ngoại giao Việt Nam (Cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam hoặc Bộ Ngoại giao của nước ngoài)</p>
<p>5) Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Bộ Tư pháp Việt Nam- cơ quan được chỉ định để tiếp</p>	<p>(5) Bộ Tư pháp Việt Nam</p> <p>Thời hạn giải quyết: 5 ngày làm việc</p>

<p>nhận giấy tờ của nước ngoài gửi đến Việt Nam theo kênh này.</p> <p>Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam</p> <p>Công việc thực hiện : Vào sổ và kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: chuyển cơ quan có thẩm quyền thực hiện của Việt Nam (giữ lại 01 bộ hồ sơ để gửi kèm khi trả kết quả) - Hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ: trả lại cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài <p>Xem xét trường hợp từ chối tổng đạt do yêu cầu không thuộc phạm vi của Điều 1 Công ước hoặc trường hợp từ chối căn cứ Điều 13 Công ước.</p>	<p>kể từ ngày nhận được kết quả từ cơ quan có thẩm quyền thực hiện của Việt Nam</p> <p>Chuyển kết quả cho Bộ Ngoại giao kèm theo một bộ hồ sơ mà phía nước ngoài gửi</p> <p>Lưu ý: Trường hợp Bộ Tư pháp Việt Nam thực hiện gửi hồ sơ đối với vụ việc mà người được tổng đạt là Chính phủ hoặc nhà nước Việt Nam hoặc cơ quan nhà nước Việt Nam tại địa phương theo đường công văn Bộ Tư pháp sẽ trả kết quả trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được trả lời của các cơ quan nhà nước có liên quan.</p>
<p>(6) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện tổng đạt giấy tờ của Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tòa án nhân dân cấp tỉnh; - Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh (nếu tổng đạt giấy tờ liên quan đến thi hành án dân sự); - Thừa phát lại. <p>Phương thức thực hiện:</p> <p>Thực hiện theo các phương thức tổng đạt được áp dụng với các vụ việc trong nước quy định tại các khoản từ 1 đến 4 Điều 173 BLTTDS 2015</p> <p>Thời hạn thực hiện:</p> <p>Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp của nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài vào sổ hồ sơ ủy thác tư pháp và thực hiện một trong các công việc sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Tiến hành tiếp nhận để thực hiện ủy thác tư pháp trong trường hợp vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết. b) Trả lại hồ sơ cho Bộ Tư pháp trong trường hợp vụ 	<p>(6) Cơ quan có thẩm quyền thực hiện tổng đạt giấy tờ của Việt Nam</p> <p>Gửi trả kết quả gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mẫu số 03 Thông tư: thông báo kết quả ủy thác tư pháp của nước ngoài + Văn bản chứng minh giấy tờ đã được tổng đạt (VD: xác nhận của bưu điện hoặc văn bản của thừa phát lại về việc người nhận đã nhận được giấy tờ) <p>Lưu ý: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn mà cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài yêu cầu thực hiện hoặc hết thời hạn 3 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tiếp nhận hồ sơ nếu nước ngoài không xác định thời hạn thực hiện mà chưa thực hiện được ủy thác tư pháp, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi văn bản cho Bộ Tư pháp về việc chưa có kết quả và lý do của việc chưa thực hiện được.</p>

việc không thuộc thẩm quyền giải quyết.

c). Trường hợp cần bổ sung thông tin, tài liệu liên quan hoặc việc thực hiện ủy thác làm phát sinh chi phí thực tế, trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày xác định được thông tin, tài liệu cần bổ sung hoặc chi phí thực tế phát sinh, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản thông báo cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để bổ sung thông tin, tài liệu hoặc nộp chi phí thực tế. Việc gửi thông báo thực hiện tương tự như trình tự, thủ tục thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của nước ngoài.

Trường hợp việc thực hiện ủy thác tư pháp làm phát sinh chi phí thực tế, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chỉ thực hiện sau khi người có nghĩa vụ nộp đã nộp chi phí thực tế.

+ Thông báo về việc nộp chi phí phát sinh (nếu phải thực hiện theo phương thức đặc biệt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc phải thuê thừa phát lại để thực hiện tổng đạt): mức chi phí, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán...

Lưu ý: đối với vụ việc mà người được tổng đạt là Chính phủ hoặc nhà nước Việt Nam hoặc cơ quan nhà nước Việt Nam tại địa phương: Bộ Tư pháp Việt Nam sẽ chuyển hồ sơ theo đường công văn đến các cơ quan có liên quan.

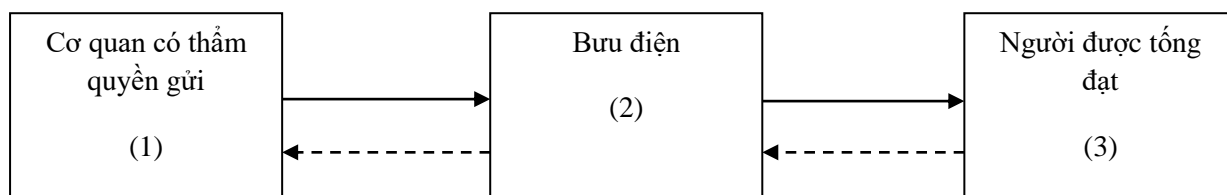
2.4. Kênh bưu điện

2.4.1. Tổng đạt của Việt Nam

Lưu ý:

- Kênh này không thuộc phạm vi tương trợ tư pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam (Luật tương trợ tư pháp năm 2007) nên trình tự thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật thi hành án dân sự.

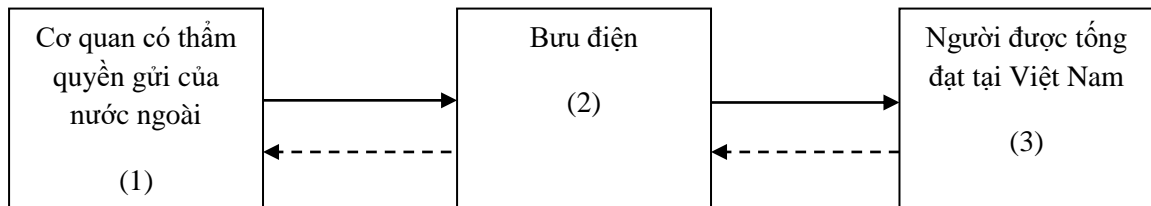
- Chỉ có thể gửi theo kênh này nếu nước nhận không phản đối kênh bưu điện quy định tại đoạn a Điều 10 Công ước Tổng đạt (link hoặc danh sách các nước phản đối kênh bưu điện).



Gửi hồ sơ	Trả kết quả
<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền gửi giấy tờ của Việt Nam</p> <p>Cơ quan có thẩm quyền cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh; - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; - Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh; - Cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định pháp luật. <p>Thời hạn gửi hồ sơ: theo quy định về thủ tục tố tụng có liên quan</p> <p>Hồ sơ: giấy tờ cần được tổng đạt theo quy định của pháp luật tố tụng hoặc pháp luật về thi hành án dân sự</p> <p>Lưu ý: Trường hợp người nhận không phải là công dân Việt Nam, hồ sơ có thể phải dịch sang ngôn ngữ chính thức của nước nhận hoặc ngôn ngữ mà người nhận có thể hiểu được.</p> <p>Yêu cầu về hợp pháp hóa lãnh sự đối với giấy tờ:</p> <p>Giấy tờ này không được gửi giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhau nên không được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Nghị định 111 về hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự. Tuy nhiên, giấy tờ này không được sử dụng trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài mà được gửi trực tiếp cho đương sự nhằm mục đích thông báo các vấn đề liên quan đến tố tụng nên không cần thiết phải hợp pháp hóa lãnh sự.</p>	<p>(1) Cơ quan có thẩm quyền gửi giấy tờ của Việt Nam</p> <p>Xử lý kết quả theo quy định của pháp luật.</p>
<p>(2) Bưu điện:</p>	<p>Kết quả dưới dạng xác nhận của bưu điện về việc giấy tờ có được chuyển</p>

Gửi hồ sơ	Trả kết quả
Phương thức gửi qua bưu điện: thư bảo đảm có xác nhận của người nhận phù hợp với khoản 2 Điều 175 BLTTDS.	giao cho người được tổng đạt hay không.
(3) Người được tổng đạt	

2.4.2. Tổng đạt của nước ngoài



Gửi hồ sơ	Trả kết quả
(1) Cơ quan có thẩm quyền gửi của nước ngoài Cơ quan này xác định theo quy định của pháp luật nước gửi Hồ sơ theo quy định của pháp luật nước gửi. Giấy tờ vẫn phải được dịch sang tiếng Việt nếu người nhận không phải là công dân của nước gửi.	(1) Cơ quan có thẩm quyền gửi của nước ngoài Xử lý kết quả theo quy định pháp luật của nước ngoài
(2) Bưu điện Phương thức gửi qua bưu điện: thư bảo đảm có xác nhận của người nhận phù hợp với tuyên bố của Việt Nam khi gia nhập Công ước Tổng đạt.	Kết quả dưới dạng xác nhận của bưu điện về việc giấy tờ có được chuyển giao cho người được tổng đạt hay không.
(3) Người được tổng đạt tại Việt Nam	

3. Các kênh tổng đạt bổ sung

Lưu ý: Điều 15 và 16 Công ước không áp dụng đối với các kênh tổng đạt này nhưng các quy định tương ứng của pháp luật quốc gia đã có trong Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn được áp dụng.

3.1 Tổng đạt theo điều ước quốc tế khác giữa các quốc gia là thành viên của Công ước Tổng đạt (đối với Việt Nam hiện nay là các Hiệp định tương trợ tư pháp song phương với các nước: Ucraina, Tiệp Khắc (Séc và Slovakia), Hungary, Ba Lan, Bungary, Pháp, Trung Quốc, Belarus, Nga, Kazakhstan):

Trước mắt, đối với các ủy thác tổng đạt giấy tờ của các nước này, nếu phía bạn yêu cầu bằng mẫu của Công ước Tổng đạt thì thực hiện theo Công ước Tổng đạt, yêu cầu bằng mẫu hoặc căn cứ vào Hiệp định song phương thì thực hiện theo Hiệp định song phương. Sắp tới, theo kế hoạch thực hiện Công ước tổng đạt sẽ có rà soát chính thức để đề nghị bạn xác định ưu tiên sử dụng điều ước nào hơn.

Ủy thác tổng đạt giấy tờ của Việt Nam gửi đi các nước này vẫn có thể ưu tiên gửi theo phương thức quen thuộc quy định tại Hiệp định song phương.

3.2 Tổng đạt theo phương thức khác quy định trong nội luật quốc gia:

Điểm đ và e khoản 1 Điều 474 BLTTDS năm 2015 quy định: giấy tờ cần được tổng đạt trong các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài có thể gửi qua cơ quan đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc theo đường dịch vụ bưu chính cho người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền tại Việt Nam của đương sự ở nước ngoài.